

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

**BÙI THỊ MAI HOA**

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH**  
**DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**  
**TẠI KHÁCH SẠN KIM LIÊN**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

**BÙI THỊ MAI HOA**

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH**  
**DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**  
**TẠI KHÁCH SẠN KIM LIÊN**

**Chuyên ngành: Kế toán**

**Mã số : 60340301**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS NGHIÊM VĂN LỢI**

**HÀ NỘI – 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan bản luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học, độc lập của tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

**TÁC GIẢ LUẬN VĂN**

**Bùi Thị Mai Hoa**

## LỜI CẢM ƠN

Sau thời gian nghiên cứu, học tập tại trường Đại học lao động và xã hội, được sự giúp đỡ của các thầy cô trong khoa Sau Đại học và khoa Kế toán cùng bạn bè đồng nghiệp em đã hoàn thành xong luận văn tốt nghiệp.

Hoàn thành bài luận văn này, cho em được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các thầy cô giáo trong khoa Sau đại học và khoa Kế toán trường Đại học lao động và xã hội. Đồng thời em gửi lời cảm ơn đặc biệt đến thầy giáo PGS.TS Nghiêm Văn Lợi đã tận tình giúp đỡ chỉ bảo em để hoàn thành được luận văn này.

Cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của các cán bộ, nhân viên phòng Kế toán tài vụ khách sạn Kim Liên đã tạo điều kiện thuận lợi cho em trong quá trình nghiên cứu viết luận văn.

Tuy vậy, do thời gian có hạn cùng với kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên trong bài luận văn của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong được sự chỉ bảo đóng góp ý kiến của các thầy cô cùng toàn thể các bạn bè để em có thể bổ sung nâng cao kiến thức cho luận văn của em được đầy đủ hơn cũng như được tích lũy thêm kiến thức cho bản thân.

Em xin chân thành cảm ơn !

## MỤC LỤC

<b>LỜI CAM ĐOAN</b> .....	i
<b>LỜI CẢM ƠN</b> .....	ii
<b>DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT</b> .....	vii
<b>DANH MỤC SƠ ĐỒ, ĐỒ THỊ</b> .....	viii
<b>CHƯƠNG I GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU</b> .....	1
<b>1.1 Lý do chọn đề tài</b> .....	1
<b>1.2. Mục đích và phạm vi nghiên cứu</b> .....	2
1.2.1. Mục đích nghiên cứu:.....	2
1.2.2. Phạm vi nghiên cứu.....	2
1.2.3. Câu hỏi nghiên cứu:.....	3
<b>1.3 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu</b> .....	3
1.3.1 Đối tượng nghiên cứu.....	3
1.3.2 Phương pháp nghiên cứu.....	3
<b>1.4. Tổng quan nghiên cứu</b> .....	4
1.4.1. Các công trình nghiên cứu về kế toán chi phí sản xuất phục vụ quản trị doanh nghiệp ở Việt Nam.....	4
1.4.2 Các công trình nghiên cứu về kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp khách sạn.....	6
1.4.3 Kết luận rút ra từ các công trình đã nghiên cứu.....	8
<b>CHƯƠNG II CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YÊU CẦU QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP</b> .....	9
<b>2.1. Quản trị doanh nghiệp và nhu cầu thông tin cho quản trị doanh nghiệp</b> .....	9
2.1.1. Các chức năng quản trị doanh nghiệp.....	9
2.1.2. Nhu cầu thông tin chi phí và giá thành cho quản trị doanh nghiệp.....	11
<b>2.2. Kế toán chi phí sản xuất theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp</b> .....	13

2.2.1. <i>Phân loại chi phí sản xuất</i> .....	15
2.2.2 <i>Đối tượng hạch toán chi phí và kỳ hạch toán chi phí</i> .....	22
2.2.3 <i>Các phương pháp kế toán chi phí</i> .....	24
<b>2.3 Dự toán chi phí kinh doanh</b> .....	27
2.3.1 <i>Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</i> .....	27
2.3.2 <i>Dự toán chi phí nhân công trực tiếp</i> .....	27
2.3.3 <i>Dự toán chi phí sản xuất chung</i> .....	27
2.3.4 <i>Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i> .....	28
<b>2.4 Báo cáo bộ phận</b> .....	28
<b>CHƯƠNG III THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ TẠI KHÁCH SẠN KIM LIÊN</b> .....	30
<b>3.1 Đặc điểm tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh tại Khách sạn Kim Liên có ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</b> .....	30
3.1.1 <i>Lịch sử hình thành và phát triển</i> .....	30
3.1.2 <i>Đặc điểm của hoạt động kinh doanh dịch vụ khách sạn</i> .....	32
3.1.3 <i>Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh của Khách sạn Kim Liên</i> .....	33
3.1.4 <i>Các chính sách kế toán hiện đang áp dụng tại Khách sạn</i> .....	36
<b>3.2 Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại Khách sạn Kim Liên</b> .....	37
3.2.1 <i>Đặc điểm chi phí và phân loại chi phí sản xuất tại Khách sạn Kim Liên</i> .....	37
3.2.2 <i>Đối tượng kế toán chi phí sản xuất</i> .....	39
3.2.3 <i>Kế toán chi phí sản xuất</i> .....	40
3.2.4 <i>Đánh giá sản phẩm làm dở cuối kỳ</i> .....	44
<b>3.3 Tính giá thành sản phẩm</b> .....	44

3.3.1 Đối tượng tính giá thành sản phẩm .....	44
3.3.2 Kỳ tính giá thành sản phẩm .....	44
3.3.3 Tính giá thành dịch vụ .....	44
<b>3.4. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp .....</b>	<b>45</b>
<b>3.5 Đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại Khách sạn Kim Liên .....</b>	<b>45</b>
3.5.1. Ưu điểm .....	45
3.5.2 Những tồn tại .....	46
<b>CHƯƠNG IV HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI KHÁCH SẠN KIM LIÊN .....</b>	<b>50</b>
<b>4.1 Sự cần thiết, yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ theo yêu cầu quản trị tại Khách sạn Kim Liên .....</b>	<b>50</b>
<b>4.2 Các yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện .....</b>	<b>51</b>
4.2.1 Yêu cầu hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại Khách sạn Kim Liên .....	51
4.2.2 Nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ theo yêu cầu quản trị tại Khách sạn Kim Liên .....	52
4.2.3 Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại Khách sạn Kim Liên .....	52
<b>4.3. Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ trong Khách sạn Kim Liên .....</b>	<b>55</b>
4.3.1 Xây dựng mô hình kế toán quản trị tại Khách sạn Kim Liên .....	55
4.3.2. Xây dựng định mức chi phí .....	57
4.3.3. Hoàn thiện phương pháp xây dựng dự toán chi phí sản xuất .....	57
4.3.4 Hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành	

<i>sản phẩm</i> .....	61
<b>4.4 Điều kiện để thực hiện các giải pháp</b> .....	64
4.4.1 <i>Điều kiện của nhà nước</i> .....	64
4.4.2 <i>Đối với Khách sạn Kim Liên</i> .....	65
<b>KẾT LUẬN</b> .....	66
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	68
<b>PHỤ LỤC</b> .....	69



**DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

BHXH	: Bảo hiểm xã hội
BHYT	: Bảo hiểm y tế
CPCĐ	: Chi phí công đoàn
CPNVLTT	: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
CPNCTT	: Chi phí nhân công trực tiếp
CPSXC	: Chi phí sản xuất chung
DN	: Doanh nghiệp
GTSP	: Giá thành sản phẩm
TSCĐ	: Tài sản cố định
SP	: Sản phẩm

**DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ, ĐỒ THỊ**

Bảng 2.1. Nhu cầu thông tin cho từng tình huống ra quyết định.....	12
Sơ đồ 1.1. Mối quan hệ giữa các chức năng trong chu kỳ lập kế hoạch và kiểm soát (Garrison, 2012).....	11
Sơ Đồ 3.1 Bộ Máy Quản Lý Của Công.....	34
Sơ đồ 3.2 Trình tự kế toán.....	37
Sơ đồ 3.3 Quy trình luân chuyển chứng từ.....	41
Đồ thị 2.1. Tổng chi phí biến đổi.....	18
Đồ thị 2.2. Tổng chi phí cố định và chi phí cố định đơn vị.....	19
Đồ thị 2.3. Tổng chi phí hỗn hợp.....	20

## **CHƯƠNG I**

### **GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU**

#### **1.1 Lý do chọn đề tài**

Kinh doanh khách sạn là một trong những ngành cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu sinh hoạt và thoả mãn nhu cầu đời sống văn hoá, tinh thần của con người. Nước ta, trong những năm gần đây hoạt động kinh doanh khách sạn đã phát triển nhanh cả về số lượng lẫn chất lượng.

Để hoạt động kinh doanh khách sạn có hiệu quả hơn, đòi hỏi phải sử dụng đồng bộ các công cụ quản lý kinh tế, tài chính, trong đó kế toán được xem là công cụ quản lý quan trọng nhất. Tuy nhiên, muốn kế toán phát huy một cách tốt nhất chức năng thông tin và kiểm tra của mình, cần phải xây dựng một hệ thống kế toán hoàn chỉnh. Với hệ thống kế toán này, thông tin được cung cấp không chỉ hướng vào các quá trình, các sự kiện kinh tế đã xảy ra mà còn phải hướng đến những diễn biến trong tương lai, nhằm giúp các nhà quản lý doanh nghiệp hoạch định, tổ chức điều hành, kiểm soát và đưa ra những quyết định đúng đắn, phù hợp với các mục tiêu đã xác lập. Một hệ thống đáp ứng được nhu cầu thông tin như vậy phải là một hệ thống bao gồm hai phân hệ: kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Dù kinh doanh ở lĩnh vực nào, mặt hàng gì thì “ lợi nhuận” luôn là mục tiêu mà các Doanh nghiệp theo đuổi. Tuy nhiên để đạt được mục tiêu này, kế toán doanh nghiệp cần phải xác định rõ vai trò và nhiệm vụ của mình trong kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Thông tin chi phí và giá thành có vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra các quyết định quản trị. Thông qua các thông tin chi phí và giá thành do kế toán cung cấp, người sử dụng có thể đưa ra các quyết định hợp lý để nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong thực tế hiện nay, kế toán chi phí và giá thành sản phẩm ở nhiều

doanh nghiệp còn nhiều bất cập. Các thông tin chi phí và giá thành do kế toán cung cấp mới chỉ đáp ứng được thông tin để lập báo cáo tài chính, các thông tin phục vụ quản trị doanh nghiệp vẫn còn hạn chế. Sự bất cập này đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả quản trị và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp kinh doanh khách sạn nói riêng. Trước thực tế này, đề tài “*Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp tại Khách Sạn Kim Liên*” được chọn làm đề tài nghiên cứu với mong muốn góp phần bổ sung, tăng cường tính ứng dụng của kế toán quản trị trong doanh nghiệp kinh doanh khách sạn, góp phần phát triển công tác kế toán quản trị và nâng cao trình độ quản lý, sức cạnh tranh của khách sạn Kim Liên.

## **1.2. Mục đích và phạm vi nghiên cứu**

### ***1.2.1. Mục đích nghiên cứu:***

- Về lý luận

Hệ thống những vấn đề lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ quản trị kinh doanh khách sạn.

- Về thực tiễn

Vận dụng lý luận vào thực tiễn để tìm hiểu và đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Khách sạn Kim Liên từ đó tìm ra các giải pháp phù hợp để hoàn thiện hơn nữa kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ theo yêu cầu quản trị của khách sạn Kim Liên.

### ***1.2.2. Phạm vi nghiên cứu***

- Phạm vi nghiên cứu của luận văn tập trung vào nghiên cứu thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo yêu cầu quản trị tại khách sạn Kim Liên

Về thời gian: Số liệu thực hiện năm 2015 của khách sạn

### **1.2.3. Câu hỏi nghiên cứu:**

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu như đã trình bày ở trên, luận văn đặt ra các câu hỏi nghiên cứu sau:

+ Để phục vụ quản trị doanh nghiệp, kế toán cần phải cung cấp được thông tin chi phí và giá thành như thế nào?

+ Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Khách sạn Kim Liên đã đáp ứng được nhu cầu quản trị như thế nào?

+ Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Khách sạn Kim Liên cần được hoàn thiện như thế nào để đáp ứng được nhu cầu thông tin cho quản trị doanh nghiệp?

## **1.3 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu**

### **1.3.1 Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại khách sạn

### **1.3.2 Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp tiếp cận thông tin

Luận văn vận dụng cơ sở lý thuyết về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm để đi sâu nghiên cứu, phân tích thực trạng công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại khách sạn Kim Liên. Đồng thời, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để thu thập và xử lý thông tin.

+ Nghiên cứu định tính: Thực hiện thông qua việc quan sát, phỏng vấn các đối tượng cung cấp thu thập thông tin như các nhân viên Phòng Kế toán - Tài vụ, Phòng Kế hoạch, bộ phận kinh doanh, bộ phận thu mua, bộ phận kiểm tra chất lượng giúp cho tác giả có cái nhìn tổng quan về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

+ Nghiên cứu định lượng: Tác giả lượng hóa các khái niệm, đo

lường mối quan hệ giữa các yếu tố thông qua việc áp dụng các công cụ phân tích, thống kê, so sánh.

**- Phương pháp thu thập dữ liệu**

Dữ liệu của đề tài nghiên cứu được thu thập thông qua các nguồn sau:

+ Nguồn dữ liệu sơ cấp: Có được qua điều tra thu thập thông tin từ các phòng ban, bộ phận phục vụ tại Công ty. Cụ thể: phỏng vấn các nhân viên kế toán, quan sát trực tiếp.

+ Nguồn dữ liệu thứ cấp: các tài liệu về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; Các tài liệu sẵn có tại Khách sạn Kim Liên: Tài liệu giới thiệu về khách sạn, quy chế tài chính, mục tiêu, chiến lược hoạt động của Công ty; Các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị của khách sạn trong vòng 3 năm: 2012 - 2015; Các chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán có liên quan đến công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm...

**- Phương pháp phân tích, xử lý dữ liệu**

Các dữ liệu thu thập được sẽ được phân loại, sàng lọc, sắp xếp phân tích, tổng hợp qua công cụ hỗ trợ bằng phần mềm: Microsoft office Word, Microsoft office Excel để đưa ra các đánh giá tổng hợp và các ý kiến đề xuất về công kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại khách sạn.

**1.4. Tổng quan nghiên cứu**

**1.4.1. Các công trình nghiên cứu về kế toán chi phí sản xuất phục vụ quản trị doanh nghiệp ở Việt Nam**

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là đề tài nghiên cứu của rất nhiều công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước. Có thể nói đây là đề tài được nhiều người lựa chọn nhất cho nghiên cứu của mình. Tuy nhiên, mỗi người lại có cách nhìn nhận, suy nghĩ khác nhau làm đa dạng hơn những vấn đề cần làm sáng tỏ.

Qua tìm hiểu thực tế, có nhiều đề tài nghiên cứu về kế toán chi phí sản

xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp sản xuất như:

- Nguyễn Thị Hải Vân (2012), *Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo yêu cầu quản trị tại Công ty Cổ phần đá ốp lát cao cấp Vinaconex*, luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Thương mại.

Về lý luận tác giả đã đề cập đến những vấn đề cơ bản về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất như khái niệm, vai trò, mối quan hệ cũng như phân loại chi phí sản xuất và các phương pháp tập hợp chi phí sản xuất... Về thực tế, qua phân tích chi phí và tính giá thành sản phẩm đá ốp lát tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp và khu chế xuất, tác giả đã thấy được những ưu điểm, nhược điểm như bộ máy kế toán của các doanh nghiệp được xây dựng tương đối hoàn chỉnh, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp, trình bày được thực trạng nội dung chi phí, phân loại chi phí, đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành tại Công ty. Chương 2 tác giả đã trình bày rõ đặc điểm, phương pháp kế toán từng khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và cách tính giá thành sản phẩm. Qua đó, tác giả đã đưa ra được những ưu điểm, hạn chế cần phải khắc phục. Chương 3 tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành của Công ty như hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán, hoàn thiện việc phân loại chi phí, hoàn thiện kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp nhằm phục vụ cho yêu cầu quản trị của công ty.

- Nguyễn Thị Ngọc (2013), *Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo yêu cầu quản trị tại Công ty Cổ phần SSV*, luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Luận văn đã trình bày những cơ sở lý luận chung và thực trạng về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản

xuất công nghiệp như khái niệm, phân loại, phương pháp, kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung,... kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty chuyên sản xuất với những sản phẩm như quần áo các loại, xuất khẩu sang các thị trường Mỹ, Châu Âu và các nước trong khu vực. Công ty may xuất khẩu SSV thực hiện việc sản xuất theo đơn đặt hàng nhưng lại không hạch toán theo đơn đặt hàng mà toàn bộ sản phẩm hoàn thành cuối kỳ đều được xác định giá thành dù đơn hàng chưa sản xuất xong. Công ty có lập báo cáo quản trị chi phí và giá thành sản phẩm bên cạnh việc lập các báo cáo tài chính cung cấp thông tin cho các đối tượng liên quan. Qua nghiên cứu tác giả đã chỉ ra các ưu điểm mà Công ty đã đạt được đồng thời đưa ra một số giải pháp dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị như hoàn thiện về kế toán chi phí

#### ***1.4.2 Các công trình nghiên cứu về kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp khách sạn***

- Trần Thị Thanh Loan (2015), *Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại khách sạn Hà Nội Rose*, luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Luận văn đã trình bày những cơ sở lý luận chung và thực trạng về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kinh doanh về khách sạn như khái niệm, nội dung, phân loại chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng như phương pháp tính giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán tài chính. Từ đó đưa ra được những ưu điểm đã đạt được, những vấn đề còn tồn tại và tìm ra nguyên nhân để giải quyết. Từ những nghiên cứu thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong Khách sạn Hà Nội Rose như: giải pháp về chế độ tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi cho người lao động,



hình thức kế toán, tiền lương nghỉ phép cho công nhân sản xuất, công tác lập dự toán chi phí sản xuất....

Luận văn đã trình bày những cơ sở lý luận chung và thực trạng về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất công nghiệp như khái niệm, phân loại, phương pháp, kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung,... kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ cuối kỳ. Khách sạn chưa quan tâm nhiều đến phân loại, tính giá thành dưới góc độ kế toán quản trị, vì vậy chưa có lập báo cáo quản trị chi phí và giá thành sản phẩm mà chỉ lập các báo cáo tài chính cung cấp thông tin cho các đối tượng liên quan. Qua nghiên cứu tác giả đã chỉ ra các ưu điểm mà Khách sạn đạt được đồng thời đưa ra một số giải pháp dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị như hoàn thiện về kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp...

- Trần Thị Thanh Loan (2015), *Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại khách sạn Nikko Hà Nội*, luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Luận văn đã trình bày những cơ sở lý luận chung và thực trạng về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ trong khách sạn như khái niệm, nội dung, phân loại chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng như phương pháp tính giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán tài chính. Từ đó đưa ra được những ưu điểm đã đạt được, những vấn đề còn tồn tại và tìm ra nguyên nhân để giải quyết. Từ những nghiên cứu thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong khách sạn Nikko Hà Nội như: giải pháp về chế độ tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi cho người lao động, hình thức kế toán, tiền lương

### ***1.4.3 Kết luận rút ra từ các công trình đã nghiên cứu***

Qua nghiên cứu các công trình trên cho thấy các đề tài đã đưa ra các nội dung cơ bản về mặt lý luận dưới hai góc độ là kế toán tài chính và kế toán quản trị, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cụ thể theo phạm vi nghiên cứu của từng đề tài. Tuy nhiên chưa có đề tài nào nghiên cứu chuyên sâu về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ trong doanh nghiệp kinh doanh khách sạn cung cấp thông tin phục vụ cho nhu cầu của nhà quản trị. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài này có giá trị cả về mặt lý luận, đặc biệt là có ý nghĩa thực tiễn cao vì đề tài không trùng lặp với bất cứ một đề tài nghiên cứu nào.

## CHƯƠNG II

### CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YÊU CẦU QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

#### **2.1. Quản trị doanh nghiệp và nhu cầu thông tin cho quản trị doanh nghiệp**

##### ***2.1.1. Các chức năng quản trị doanh nghiệp***

*Quản trị* là sự tác động liên tục có mục đích của nhà quản trị lên đối tượng bị quản trị nhằm mục đích đạt được các mục tiêu đã đặt ra. Để đạt được mục tiêu xác định trong kinh doanh, các nhà quản trị phải thực hiện các chức năng cơ bản: lập kế hoạch, kiểm soát, đánh giá và ra quyết định.

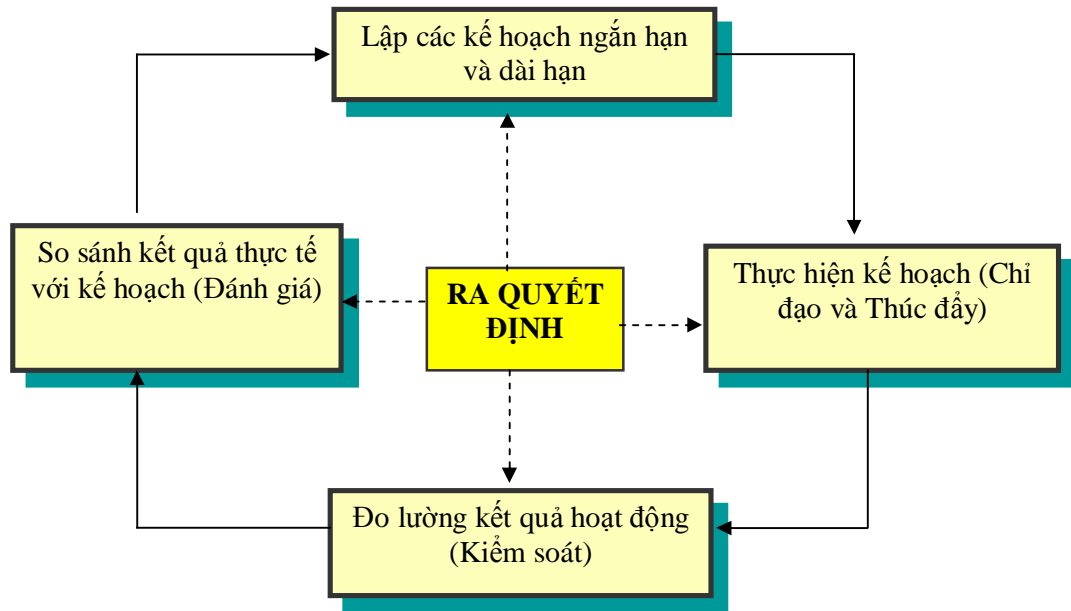
*Lập kế hoạch*: là chức năng đầu tiên của nhà quản trị. Để thực hiện được mục tiêu đã định trong kinh doanh, nhà quản trị phải xây dựng và lựa chọn phương án tối ưu và khả thi để đạt được mục tiêu. Sau khi phương án kinh doanh được lựa chọn, bản dự toán được lập phản ánh mô tả chi tiết việc các nguồn lực sẽ được sử dụng để giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu trong kinh doanh.

*Kiểm soát*: là chức năng để đảm bảo các hoạt động của doanh nghiệp không bị chệch hướng theo mục tiêu và phương án kinh doanh đã lựa chọn. Chức năng kiểm soát còn bao hàm cả chức năng định hướng và thúc đẩy để động viên, khuyến khích mọi bộ phận của doanh nghiệp hoạt động theo cách tốt nhất để đạt mục tiêu của doanh nghiệp. Thực hiện chức năng này không có nghĩa là mọi hoạt động của doanh nghiệp nhất định phải theo phương án như đã lựa chọn mà có thể cần có những điều chỉnh phù hợp nếu điều kiện hoạt động có những thay đổi đáng kể so với ban đầu. Do vậy, trong quá trình thực hiện chức năng kiểm soát nhà quản trị cần có những quyết định điều chỉnh kịp thời để giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu đã xác định.

*Đánh giá*: Đánh giá hiệu quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong

quản trị doanh nghiệp. Đánh giá đúng đắn hiệu quả kinh doanh không chỉ giúp cho doanh nghiệp có những quyết định phù hợp mà còn tạo động lực thúc đẩy các hoạt động nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Ngược lại, đánh giá hiệu quả kinh doanh không đúng cùng với động viên, khen thưởng sai không chỉ làm mất đi động lực phấn đấu nâng cao hiệu quả kinh doanh làm phát sinh những tiêu cực trong hoạt động của doanh nghiệp. Thông qua chức năng đánh giá, nhà quản trị rút ra được những điểm mạnh yếu trong hoạt động của doanh nghiệp để có những điều chỉnh kịp thời cho các hoạt động kế tiếp.

Ra quyết định không phải là chức năng độc lập của nhà quản trị mà gắn liền với các chức năng lập kế hoạch, kiểm soát và đánh giá. Trong quá trình lập kế hoạch, nhà quản trị phải ra quyết định lựa chọn mục tiêu, quyết định về phương án sẽ thực hiện và các nguồn lực sẽ được huy động để thực hiện kế hoạch. Thực hiện chức năng kiểm soát nhà quản trị phải ra các quyết định để đảm bảo các hoạt động được thực hiện theo mục tiêu đã định và có các quyết định kịp thời để điều chỉnh kế hoạch, động viên khuyến khích thúc đẩy thực hiện kế hoạch. Các quyết định khen thưởng, điều chỉnh kế hoạch và định mức cũng được các nhà quản trị đưa ra trong quá trình thực hiện chức năng đánh giá. Mối quan hệ giữa các chức năng quản trị với quá trình ra quyết định được Garrison và các cộng sự minh họa bằng sơ đồ 2.1. như sau:



**Sơ đồ 1.1. Mối quan hệ giữa các chức năng trong chu kỳ lập kế hoạch và kiểm soát (Garrison, 2012)**

### ***2.1.2. Nhu cầu thông tin chi phí và giá thành cho quản trị doanh nghiệp***

Thực hiện các chức năng quản trị, các nhà quản trị cần phải có các thông tin cần thiết và phù hợp. Các thông tin chi phí cần thiết để thực hiện các chức năng quản trị của các nhà quản trị như sau:

- Nhu cầu thông tin cho chức năng lập kế hoạch: để thực hiện chức năng này nhà quản trị cần các thông tin để xác định các chi phí phát sinh liên quan đến các phương án kinh doanh và những vấn đề phát sinh hoặc những rủi ro có thể gặp phải trong mỗi phương án để lựa chọn phương án kinh doanh tốt nhất. Các thông tin nhà quản trị cần sử dụng để lựa chọn phương án kinh doanh là những chi phí sẽ phát sinh liên quan đến mỗi phương án, chi phí cố định và chi phí biến đổi để xác định điểm hòa vốn phục vụ cho lựa chọn phương án, v.v....

Khi một phương án được lựa chọn, một loạt các dự toán sẽ được lập cho biết các khoản doanh thu, chi phí nào sẽ phát sinh cũng như chi tiết các nguồn

lực được huy động để thực hiện phương án. Để lập dự toán, cần phải có các thông tin về chi phí định mức, thông tin về chi phí cố định và chi phí biến đổi liên quan đến các mức hoạt động của doanh nghiệp.

- Nhu cầu thông tin cho kiểm soát: trong quá trình thực hiện kế hoạch, các thông tin chi phí phát sinh sẽ được nhà quản trị sử dụng so sánh với dự toán để đảm bảo các hoạt động của doanh nghiệp được thực hiện theo đúng hướng. Các thông tin chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch sẽ cung cấp cho nhà quản trị biết các quyết định quản trị được thực thi như thế nào để họ có các quyết định điều chỉnh kịp thời. Ngoài các thông tin chi phí thực tế, các nhà quản trị cũng cần các thông tin về chi phí tiêu chuẩn để thực hiện phân tích chênh lệch nhằm tìm ra nguyên nhân tăng/giảm chi phí so với dự toán để có các điều chỉnh thích hợp và kịp thời.

**Bảng 2.1. Nhu cầu thông tin cho từng tình huống ra quyết định**

<b>TT</b>	<b>Loại quyết định</b>	<b>Thông tin sử dụng</b>
1	Tự sản xuất hay mua ngoài	Chi phí tránh được Chi phí không tránh được
2	Chấp nhận đơn đặt hàng đặc biệt	
2.1	Dư thừa năng lực sản xuất	Giá thành đơn vị theo chi phí biến đổi Chi phí bán hàng và QLDN biến đổi
2.1	Không dư thừa năng lực sản xuất	Giá thành đơn vị theo chi phí biến đổi, Chi phí bán hàng và QLDN biến đổi, Chi phí cơ hội
3	Quyết định bán hay chế biến tiếp	Chi phí gia tăng; doanh thu gia tăng
4	Quyết định tiếp tục hay dừng sản xuất một loại sản phẩm hoặc dừng hoạt động của một bộ phận	Doanh thu của sản phẩm/bộ phận Chi phí biến đổi của sản phẩm/bộ phận Chi phí cố định tránh được Chi phí cố định không tránh được
5	Xây dựng cơ cấu sản phẩm	Giá bán; chi phí biến đổi của mỗi loại sản phẩm Chi phí cố định
6	Xác định cơ cấu chi phí	Chi phí biến đổi đơn vị Chi phí cố định
	v.v...	v.v...

Đề ra các quyết định quản trị như tự sản xuất hay mua ngoài; chấp nhận đơn đặt hàng đặc biệt; quyết định bán hay tiếp tục chế biến, chấm dứt hay tiếp tục sản xuất một loại sản phẩm, v.v... các nhà quản trị cần được cung cấp các thông tin phù hợp. Các thông tin phù hợp cho mỗi tình huống ra quyết định được trình bày trong bảng 2.1.

- Nhu cầu thông tin chi phí phục vụ đánh giá: để đánh giá hiệu quả hoạt động của từng bộ phận, các nhà quản trị cần được cung cấp thông tin về kết quả kinh doanh của từng bộ phận. Thông thường báo cáo bộ phận sẽ được lập cho mỗi bộ phận để phản ánh lợi nhuận của bộ phận. Để lập báo cáo này cần có các thông tin về doanh thu, chi phí biến đổi, chi phí cố định trực tiếp của mỗi bộ phận.

## **2.2. Kế toán chi phí sản xuất theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp**

Trên góc độ của KTTC, chi phí được nhìn nhận như những khoản phí tồn đã phát sinh gắn liền với hoạt động của doanh nghiệp bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác. Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền, các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị, được kế toán ghi nhận trên cơ sở chứng từ, tài liệu bằng chứng chứng minh việc phát sinh của chúng. Ví dụ, khi xuất kho vật liệu dùng vào sản xuất kinh doanh, tạo ra chi phí gây ra sự giảm đi của giá trị hàng tồn kho, gắn liền với sản xuất, kinh doanh và được chứng minh bằng các chứng từ là phiếu xuất kho vật tư.

Sự vận động của quá trình kinh doanh dịch vụ trong doanh nghiệp dịch vụ du lịch bao gồm 2 mặt đối lập nhau, nhưng có liên quan mật thiết hữu cơ với nhau. Trong đó, một mặt là các chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra, còn mặt khác là kết quả kinh doanh thu được từ những sản phẩm dịch vụ đã hoàn thành. Vậy giá thành sản phẩm dịch vụ là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ chi

phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến khối lượng sản phẩm lao vụ dịch vụ đã hoàn thành.

Mặc dù giữa chi phí và giá thành có mối quan hệ với nhau nhưng giữa chúng còn có điểm khác nhau về phạm vi và nội dung. Vì vậy, cần phân biệt phạm vi và giới hạn của chúng để ứng dụng tốt hơn trong việc tính giá thành sản phẩm dịch vụ.

Chi phí kinh doanh dịch vụ chỉ tính những chi phí phát sinh trong một kỳ nhất định (tháng, quý, năm) không tính đến nó liên quan đến khối lượng sản phẩm dịch vụ đã hoàn thành. Từ đó chi phí kinh doanh dịch vụ du lịch tính cho một kỳ, còn giá thành liên quan đến cả chi phí của thời kỳ trước chuyển sang (chi phí dở dang đầu kỳ) và chi phí của kỳ này chuyển sang kỳ sau (chi phí dở dang cuối kỳ).

Giá thành sản phẩm lao vụ, dịch vụ là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh kết quả sử dụng tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình kinh doanh cũng như tính đúng đắn của các giải pháp tổ chức kinh tế, kỹ thuật và công nghệ mà doanh nghiệp đã sử dụng nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng phục vụ, hạ thấp chi phí và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Giá thành là một căn cứ quan trọng để định giá bán và xác định hiệu quả kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Trên góc độ của KTQT: Mục đích của KTQT chi phí là cung cấp thông tin thích hợp về chi phí, kịp thời cho việc ra quyết định của các nhà quản trị doanh nghiệp. Vì vậy, đối với KTQT chi phí không đơn thuần nhận thức chi phí như KTTC, mà chi phí còn được nhận thức theo cả khía cạnh nhận diện thông tin để phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh. Vì vậy, chi phí có thể là phí tổn thực tế đã chi ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày khi tổ chức thực hiện, kiểm tra, ra quyết định; và cũng có thể là chi phí ước tính khi thực hiện dự án hay giá trị lợi ích mất đi khi lựa chọn phương án,



hoạt động này mà bỏ qua cơ hội kinh doanh khác. Do đó, KTQT chi phí lại cần chú ý đến việc nhận diện chi phí phục vụ cho việc so sánh, lựa chọn phương án tối ưu trong từng tình huống ra quyết định kinh doanh cụ thể, mà ít chú ý hơn vào chứng minh chi phí phát sinh bằng các chứng từ kế toán. Trong kế toán quản trị, thuật ngữ chi phí bao hàm cả tính giá thành tức là tính chi phí cho một đơn vị sản phẩm, do vậy hai thuật ngữ chi phí và giá thành trong kế toán quản trị nói chung và kế toán quản trị chi phí có thể sử dụng thay thế cho nhau.

### **2.2.1. Phân loại chi phí sản xuất**

#### **2.2.1.1. Phân loại chi phí theo khả năng quy nạp chi phí cho đối tượng hạch toán chi phí**

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành 2 loại: Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

**Chi phí trực tiếp:** Là những chi phí có thể hạch toán trực tiếp và hiệu quả về mặt kinh tế cho từng đối tượng kế toán chịu chi phí (từng loại sản phẩm, công việc, hoạt động, đơn đặt hàng...); chúng ta có thể được quy nạp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí. Trong quản trị doanh nghiệp nói chung và quản trị chi phí nói riêng, nếu loại chi phí này chiếm đa số trong tổng chi phí thì sẽ thuận lợi cho việc hạch toán chi phí để có được kết quả hạch toán chi phí tin cậy.

**Chi phí gián tiếp:** Là các chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí khác nhau nên không thể quy nạp trực tiếp cho từng đối tượng hạch toán chi phí được, mà phải tập hợp theo từng nơi phát sinh chi phí khi chúng phát sinh, sau đó phân bổ cho từng đối tượng dựa trên tiêu thức phân bổ chi phí.

Khi thực hiện phân bổ chi phí cho từng đối tượng, doanh nghiệp cần phải lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ phù hợp. Mức độ hợp lý của chi phí phân bổ cho

từng đối tượng phụ thuộc vào tính hợp lý và khoa học của tiêu chuẩn phân bổ được lựa chọn. Vì vậy, nếu muốn có những thông tin đúng đắn, chân thực về chi phí, kết quả lợi nhuận của từng loại sản phẩm, dịch vụ, từng loại hoạt động của doanh nghiệp thì các nhà quản trị doanh nghiệp cần quan tâm đến việc lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ chi phí.

Cách phân loại chi phí này có ý nghĩa về mặt kỹ thuật qui nạp chi phí vào đối tượng hạch toán chi phí sản xuất. Tuy nhiên, thông qua cách phân loại chi phí này, các nhân viên KTQT có thể tư vấn để các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra và thực hiện một cơ cấu tổ chức sản xuất, kinh doanh hợp lý để đa số các khoản chi phí có thể quy nạp trực tiếp cho từng đối tượng hạch toán chi phí. Từ đó giúp cho việc kiểm soát chi phí được thuận lợi hơn.

#### *2.2.1.2 Phân loại chi phí theo mối quan hệ với báo cáo tài chính*

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ.

##### **Chi phí sản phẩm**

Chi phí sản phẩm là những khoản chi phí gắn liền với quá trình sản xuất sản phẩm hay quá trình mua hàng hóa để bán. Đối với doanh nghiệp sản xuất chi phí sản phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Thực chất, chi phí sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất là chi phí ở khâu sản xuất tính cho sản phẩm của doanh nghiệp, đó là giá trị sản phẩm dở dang (khi sản phẩm chưa hoàn thành), là giá thành sản xuất của sản phẩm đã hoàn thành và trở thành giá vốn hàng bán khi sản phẩm đã được bán. Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại thì chi phí sản phẩm là giá vốn của hàng mua, bao gồm giá mua hàng hóa và chi phí khâu thu mua hàng hóa (khi hàng mua chưa bán) và trở thành giá vốn hàng bán khi hàng hóa đã được bán.

Khi sản phẩm, hàng hóa chưa được bán ra thì chi phí sản phẩm là giá

vốn hàng tồn kho - một bộ phận tài sản hiện có của doanh nghiệp nên được kế toán ghi nhận ở các chỉ tiêu hàng tồn kho (“Sản phẩm dở dang”, “Thành phẩm tồn kho”, “Hàng hóa tồn kho”) trên Phụ lục cân đối kế toán. Khi sản phẩm, hàng hóa đã được bán ra, chi phí sản phẩm là Giá vốn hàng đã bán, vì vậy được ghi nhận ở chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Chi phí thời kỳ**

Chi phí thời kỳ là các chi phí cho hoạt động kinh doanh trong kỳ, không tạo nên giá trị hàng tồn kho - tài sản, nên chúng không được ghi nhận trên Phụ lục cân đối kế toán, mà được tham gia xác định kết quả kinh doanh ngay trong kỳ chúng phát sinh, có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận trong kỳ mà chúng phát sinh. Vì vậy, chi phí thời kỳ được ghi nhận ở các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí thời kỳ bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Các chi phí này được ghi nhận ở hai chỉ tiêu “Chi phí bán hàng” và “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc phát sinh và bù đắp các chi phí này chỉ xảy ra trong cùng một kỳ, vì vậy loại chi phí này được gọi là *Chi phí thời kỳ*.

Cách phân loại này cung cấp thông tin phục vụ cho việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Chỉ những chi phí tham gia vào quá trình tạo doanh thu mới được ghi nhận là chi phí trên báo cáo kết quả kinh doanh. Các chi phí sản phẩm chưa tạo ra doanh thu vẫn được ghi nhận là chi phí sản phẩm trên BCDKT.

### **2.2.1.3 Các cách phân loại chi phí cho lập kế hoạch và ra quyết định**

#### **2.2.1.3.1 Phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ hoạt động**

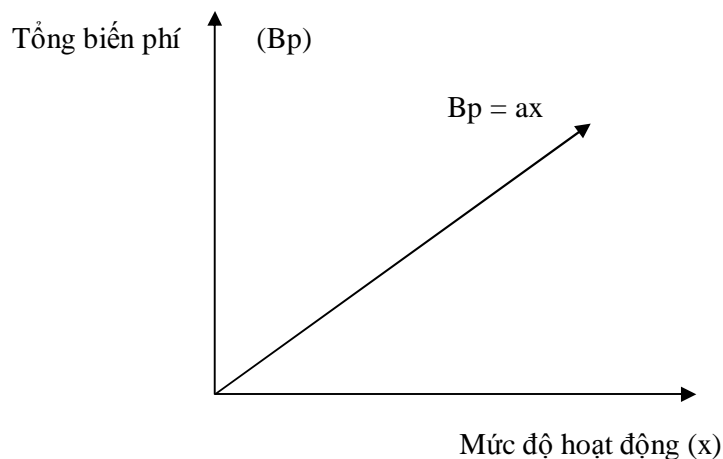
Theo mối quan hệ giữa chi phí với mức độ hoạt động, chi phí được chia thành: Chi phí biến đổi, chi phí cố định, chi phí hỗn hợp.

### ***Chi phí biến đổi***

Chi phí biến đổi là những chi phí có tổng thay đổi khi mức hoạt động của doanh nghiệp thay đổi. Mức độ hoạt động có thể là số lượng sản phẩm sản xuất; số lượng sản phẩm tiêu thụ; số giờ máy hoạt động; doanh thu bán hàng thực hiện... Tuy vậy, nếu khảo sát kỹ hơn về chi phí biến đổi, chúng ta nhận thấy có thể xảy ra các trường hợp, đó là:

*Chi phí biến đổi tỷ lệ*: là loại chi phí biến đổi mà tổng chi phí quan hệ tỷ lệ thuận trực tiếp với mức độ hoạt động, còn chi phí của một đơn vị hoạt động thì không thay đổi. Thuộc loại chi phí biến đổi này thường có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí hoa hồng trả cho đại lý v.v...

Có thể hình dung chi phí biến đổi tỷ lệ trực tiếp qua hai đồ thị sau (bp = a là chi phí biến đổi đơn vị).



**Đồ thị 2.1. Tổng chi phí biến đổi**

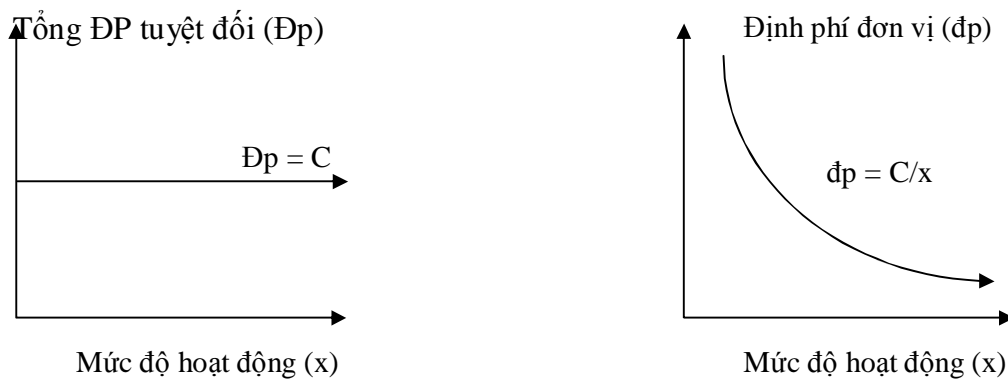
*Chi phí biến đổi bậc thang*.

Đó là những chi phí chỉ thay đổi khi mức hoạt động thay đổi đến một mức nào đó.

#### **2. Chi phí cố định (Định phí)**

Chi phí cố định là những chi phí mà về tổng chi phí không thay đổi khi có sự

thay đổi về mức độ hoạt động của đơn vị trong phạm vi phù hợp. Nếu xét tổng chi phí thì chi phí cố định không thay đổi, ngược lại, nếu xét chi phí cố định trên một đơn vị khối lượng hoạt động thì tỷ lệ nghịch với mức độ hoạt động. Như vậy, dù doanh nghiệp có hoạt động hay không thì vẫn tồn tại chi phí cố định; ngược lại, khi doanh nghiệp gia tăng mức độ hoạt động thì chi phí cố định trên một đơn vị hoạt động sẽ giảm dần. Điều này được minh họa qua các đồ thị sau (trong đó  $\text{Đp}$  là tổng chi phí cố định,  $\text{đp}$  là chi phí cố định đơn vị).



### Đồ thị 2.2. Tổng chi phí cố định và chi phí cố định đơn vị

Chi phí cố định cũng tồn tại dưới nhiều hình thức.

Chi phí cố định tuyệt đối: là những chi phí mà xét tổng số thì không thay đổi khi có sự thay đổi của khối lượng hoạt động khi đó chi phí cho một đơn vị khối lượng hoạt động thay đổi tỷ lệ nghịch trực tiếp với khối lượng hoạt động.

Chi phí cố định cấp bậc là những chi phí chỉ có tính chất cố định tương đối, nó chỉ cố định trong một giới hạn mức độ hoạt động nhất định, sau đó nếu khối lượng hoạt động tăng lên thì chi phí này sẽ tăng lên một mức nào đó

Chi phí cố định bắt buộc là những chi phí cố định không thể thay đổi một cách nhanh chóng, chúng thường liên quan đến tài sản cố định và cấu trúc tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những khoản chi phí này

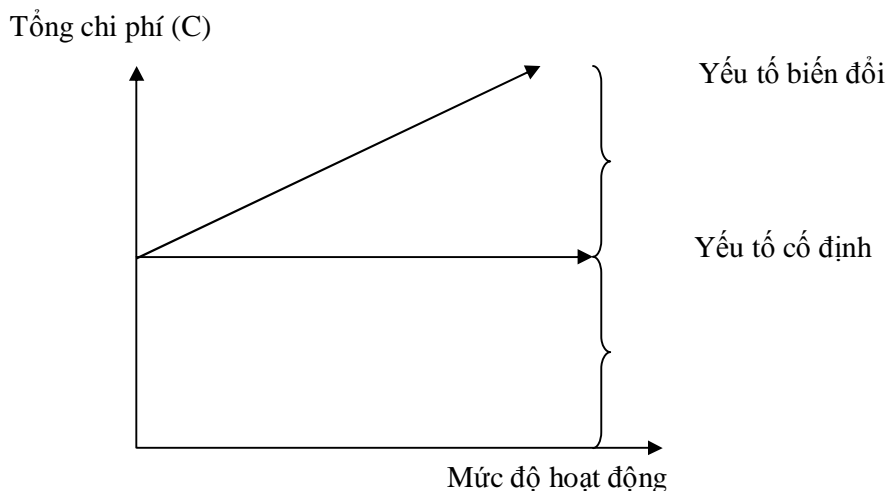
tồn tại lâu dài trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và không thể cắt giảm hết trong một thời gian ngắn. Vì vậy, khi quyết định đầu tư vào tài sản cố định các nhà quản trị doanh nghiệp cần phải cân nhắc kỹ lưỡng, một khi đã quyết định thì doanh nghiệp sẽ buộc phải gắn chặt với quyết định đó trong một thời gian dài. Mặc khác, chi phí cố định bắt buộc không thể tùy tiện cắt giảm trong một thời gian ngắn.

Chi phí cố định không bắt buộc là các chi phí cố định có thể được thay đổi nhanh chóng bằng các quyết định của các nhà quản trị doanh nghiệp. Chi phí cố định không bắt buộc thường liên quan tới kế hoạch ngắn hạn và ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp hàng năm, có thể cắt bỏ khi cần thiết.

## 2. Chi phí hỗn hợp

Chi phí hỗn hợp là loại chi phí mà bản thân nó gồm cả các yếu tố của chi phí cố định và chi phí biến đổi.

Chi phí hỗn hợp tồn tại rất nhiều trong thực tế của doanh nghiệp như chi phí thuê phương tiện vận tải hàng hóa, chi phí điện thoại, điện năng v.v...



### Đồ thị 2.3. Tổng chi phí hỗn hợp

Quan sát đồ thị cũng như phân tích thực tế, chúng ta thấy chi phí hỗn

hợp tồn tại theo hai vùng: vùng chi phí cố định và vùng chi phí biến đổi. Để có thể sử dụng được thông tin chi phí phục vụ cho lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định các chi phí hỗn hợp phải được phân tách thành chi phí cố định và chi phí biến đổi. Việc phân biệt chi phí cố định, chi phí biến đổi có ý nghĩa quan trọng trong việc thiết kế, xây dựng mô hình chi phí trong mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng và lợi nhuận, xác định điểm hòa vốn cũng như ra các quyết định kinh doanh quan trọng. Mặt khác, việc phân biệt chi phí cố định, chi phí biến đổi là cơ sở để xây dựng dự toán chi phí hợp lý, ứng với mọi mức hoạt động theo dự kiến.

#### *2.2.1.3.2 Phân loại chi phí theo thẩm quyền ra quyết định*

Theo cách phân loại này, nếu gắn quyền kiểm soát chi phí với một cấp quản lý nào đó thì phân biệt chi phí thành hai loại, đó là Chi phí kiểm soát được và Chi phí không kiểm soát được.

\* Chi phí kiểm soát được là những chi phí mà các nhà quản trị ở một cấp quản lý có thẩm quyền quyết định được sự phát sinh và lượng phát sinh của những chi phí này.

\* Chi phí không kiểm soát được là những chi phí mà nhà quản trị ở một cấp quản lý không có thẩm quyền quyết định đối với sự phát sinh và lượng phát sinh của chi phí đó.

Việc xác định chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà quản trị thuộc từng cấp quản lý trong doanh nghiệp, là cơ sở để xác định chi phí phù hợp cho việc ra quyết định.

#### *\* Các loại chi phí phục vụ cho lựa chọn các phương án kinh doanh*

- Chi phí chênh lệch là những khoản chi phí có ở phương án sản xuất kinh doanh này nhưng không có hoặc chỉ có một phần ở phương án sản xuất kinh doanh khác. Đây là một khái niệm rộng về chi phí được dùng để so sánh chi phí khi lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu. Nói cách khác, chi phí

chênh lệch là thông tin thích hợp cho việc xem xét, lựa chọn phương án tối ưu.

- Chi phí cơ hội: Trong kinh doanh, một khoản chi phí phát sinh đều được phản ánh và theo dõi trong sổ kế toán, cũng như báo cáo kế toán, tuy nhiên có một loại chi phí hoàn toàn không được phản ánh trên sổ kế toán, nhưng lại rất quan trọng, phải được xem xét, cân nhắc mỗi khi doanh nghiệp cần lựa chọn phương án kinh doanh, đó là chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội là lợi ích bị mất đi do chọn phương án kinh doanh này thay vì chọn phương án kinh doanh khác.

Chi phí cơ hội luôn luôn là thông tin thích hợp cho việc xem xét, lựa chọn phương án tối ưu.

- Chi phí chìm: là những chi phí đã phát sinh và không thay đổi được. Trong việc ra quyết định những chi phí chìm là chi phí không phù hợp cho việc ra quyết định.

## ***2.2.2 Đối tượng hạch toán chi phí và kỳ hạch toán chi phí***

### ***2.2.2.1 Đối tượng hạch toán chi phí và đối tượng tính giá thành***

Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có thể phát sinh ở nhiều địa điểm khác nhau, liên quan đến việc sản xuất chế tạo các loại sản phẩm, lao vụ khác nhau. Để phục vụ cho tính giá thành và xác định chi phí phục vụ cho việc ra quyết định cần phải xác định được đối tượng hạch toán chi phí. Khác với kế toán tài chính, mục đích chính của hạch toán chi phí trong kế toán tài chính là để xác định giá thành sản phẩm từ đó xác định giá trị thành phẩm nhập kho và giá vốn hàng bán để lập BCDKT và báo cáo kết quả kinh doanh. Trong kế toán quản trị, để phục vụ quản trị doanh nghiệp, ngoài xác định giá thành sản phẩm hoàn thành, người ta cần phải xác định được chi phí cho một công việc, một quy trình hoặc cho bất cứ những gì cần phải tính chi phí cho nó. Như vậy khái niệm tính giá thành trong kế toán quản trị có nghĩa rộng



hơn. Trong kế toán quản trị, đối tượng hạch toán chi phí là những gì cần phải xác định chi phí. Như vậy, những gì cần phải tính giá thành sẽ trở thành đối tượng hạch toán chi phí. Ở đây có sự đồng nhất về đối tượng hạch toán chi phí và đối tượng tính giá thành.

Xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên trong việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất. Khi xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, trước hết các nhà quản trị phải căn cứ vào nhu cầu thông tin của doanh nghiệp. Nhu cầu thông tin bao gồm thông tin để lập báo cáo tài chính và thông tin phục vụ quản trị doanh nghiệp. Tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và nhu cầu thông tin của doanh nghiệp mà đối tượng hạch toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp có thể là:

- Từng loại sản phẩm, chi tiết sản phẩm, nhóm sản phẩm, đơn đặt hàng.
- Từng phân xưởng, bộ phận sản xuất, từng giai đoạn công nghệ sản xuất.
- Toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất, toàn doanh nghiệp, v.v...

Xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất một cách khoa học hợp lý là cơ sở để tổ chức KTCB sản xuất ngay từ việc tổ chức hạch toán ban đầu đến tổ chức tổng hợp số liệu, ghi chép trên tài khoản, sổ chi tiết chi phí sản xuất...

Các chi phí phát sinh, sau khi đã được tập hợp theo từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất sẽ là cơ sở để tính giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ theo đối tượng tính giá thành đã xác định.

#### 2.2.2.2 Kỳ hạch toán chi phí

Kỳ hạch toán chi phí phụ thuộc vào đặc điểm hoạt động kinh doanh và nhu cầu sử dụng thông tin của doanh nghiệp. Để phục vụ lập báo cáo tài chính kỳ tính giá thành thường được thực hiện phù hợp với kỳ lập báo cáo tài chính. Tuy nhiên, trong các doanh nghiệp có chu kỳ sản xuất ngắn hơn kỳ lập báo cáo tài chính thì kỳ tính giá thành phụ thuộc chu kỳ sản xuất. Nhà quản trị

doanh nghiệp có thể có nhu cầu đối với thông tin chi phí tại bất cứ thời điểm nào để ra quyết định. Tuy nhiên, để có các thông tin chi phí cung cấp cho nhà quản trị không nhất thiết phải dựa vào kỳ tính giá thành mà có thể sử dụng các nguồn thông tin khác như thông tin về chi phí, giá thành trong quá khứ, thông tin định mức, thông tin dự báo, v.v...

### ***2.2.3 Các phương pháp kế toán chi phí***

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất được sử dụng trong kế toán chi phí sản xuất để tập hợp và phân bổ chi phí cho từng đối tượng kế toán chi phí. Tùy theo từng loại chi phí và điều kiện cụ thể, kế toán có thể vận dụng phương pháp tập hợp chi phí sản xuất cho thích hợp.

#### ***2.2.3.1 Phương pháp tập hợp trực tiếp***

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất riêng biệt. Do đó, ngay từ khâu hạch toán ban đầu, chi phí sản xuất phát sinh được phản ánh riêng cho từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất trên chứng từ ban đầu để căn cứ vào chứng từ thực hiện hạch toán trực tiếp, chi phí sản xuất cho từng đối tượng riêng biệt. Theo phương pháp này, chi phí sản xuất phát sinh được tính trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí nên đảm bảo mức độ chính xác cao. Vì vậy, cần sử dụng tối đa phương pháp tập hợp trực tiếp trong điều kiện có thể cho phép.

#### ***2.2.3.2 Phương pháp phân bổ gián tiếp***

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, không tổ chức ghi chép ban đầu chi phí sản xuất phát sinh riêng cho từng đối tượng được. Trong trường hợp này, phải tập hợp chi phí sản xuất phát sinh chung cho nhiều đối tượng theo từng nơi phát sinh chi phí. Sau đó phân bổ chi phí cho các đối tượng chịu chi phí liên quan.

Các phân bổ chi phí truyền thống gồm:

*Phân bổ theo một tiêu thức duy nhất:* theo phương pháp này, các chi phí chung sẽ được phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí theo một tiêu thức phân bổ chi phí duy nhất được lựa chọn. Để phân bổ chi phí sản xuất chung, người ta thường lựa chọn tiêu thức phân bổ là tiền lương công nhân sản xuất, thời gian làm việc của công nhân sản xuất, chi phí vật liệu chính, số giờ máy chạy, v.v...

Việc phân bổ được tiến hành theo trình tự:

- Xác định hệ số phân bổ:

Tổng chi phí cần phân bổ

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí cần phân bổ}}{\text{Tổng đại lượng tiêu chuẩn phân bổ}}$$

-Xác định mức chi phí phân bổ cho từng đối tượng:

$C_i = T_i \times H$  Trong đó: -  $C_i$  là chi phí phân bổ cho đối tượng  
 -  $T_i$  là tiêu chuẩn phân bổ của đối tượng  $i$   
 -  $H$  là hệ số phân bổ

Ở Việt Nam, việc phân bổ CPSX chung thường được thực hiện vào cuối kỳ sản xuất, kế toán phân bổ CPSX chung để tính giá thành sản phẩm. Ưu điểm của phương pháp phân bổ này là đơn giản, phù hợp với những doanh nghiệp có CPSX chung chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng CPSX. Đối với những doanh nghiệp có CPSX chung chiếm lớn tỷ trọng lớn trong tổng CPSX thì cách phân bổ này không phù hợp. Do CPSX chung gồm nhiều loại chi phí khác nhau, không phải chi phí nào cũng có sự biến đổi tỷ lệ thuận và cùng mức biến đổi với tiêu thức phân bổ được lựa chọn.

Để khắc phục hạn chế của phương pháp phân bổ theo một tiêu thức, người ta sử dụng phương pháp phân bổ theo nhiều tiêu thức.

*b. Phương pháp phân bổ theo nhiều tiêu thức:* Theo phương pháp này, mỗi

loại chi phí được phân bổ theo một tiêu thức khác nhau phù hợp với mức độ biến động của chi phí với tiêu thức phân bổ được lựa chọn. phương pháp tuy đã khắc phục được hạn chế của phương pháp phân bổ theo một tiêu thức nhưng vẫn bỏ qua ảnh hưởng của sự đa dạng và tính phức tạp của hoạt động trong quá trình sản xuất các loại sản phẩm khác nhau ở doanh nghiệp.

*c. Phương pháp phân bổ chi phí theo hoạt động* : là phương pháp phân bổ chi phí này do Kaplan đề xuất vào khoảng những năm đầu của thập kỷ 80 (thế kỷ XX). Theo Kaplan: "Hệ thống chi phí trên cơ sở hoạt động (ABC) được phát triển để cung cấp thông tin chi phí chính xác hơn về các quy trình và hoạt động kinh doanh, về sản phẩm, dịch vụ và khách hàng mà các quy trình này phục vụ. Theo Kaplan, để khắc phục sự không sử dụng phương pháp ABC đem lại nhiều lợi ích như kết quả phân bổ chính xác hơn, giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn các hoạt động phục vụ cho kiểm soát chi phí theo hoạt động, v.v... Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp ABC rất phức tạp và tốn kém nên chỉ phù hợp với những doanh nghiệp có CPSX chung lớn, tính cạnh tranh cao, phải trả giá đắt do phân bổ chi phí không chính xác.

### *2.2.3.3 Các mô hình hạch toán chi phí sản xuất*

Theo Garrison, kế toán CPSX được thực hiện theo một trong hai mô hình là kế toán chi phí theo đơn và kế toán chi phí theo giai đoạn .

Trong mô hình kế toán chi phí theo đơn hàng, các chi phí được tập hợp theo từng đơn hàng. Mỗi đơn hàng là một đối tượng hạch toán chi phí. Mô hình này phù hợp với các doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng.

Trong mô hình kế toán chi phí theo giai đoạn, đối tượng hạch toán chi phí ban đầu theo từng giai đoạn của quá trình sản xuất. Các CPSX phát sinh được hạch toán theo từng giai đoạn và tính cho bán thành phẩm hoàn thành. CPSX của giai đoạn cuối được tính cho thành phẩm.

Mô hình này thích hợp với những doanh nghiệp có quy trình sản xuất sản phẩm trải qua nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn sản xuất ra một loại bán thành phẩm, giai đoạn cuối cùng sản phẩm ra thành phẩm.

### **2.3 Dự toán chi phí kinh doanh**

Để phục vụ cho chức năng lập kế hoạch, kế toán quản trị phải lập các dự toán chi phí kinh doanh. Dự toán chi phí kinh doanh là kế hoạch chi tiết về các nguồn lực và chi phí được sử dụng để đạt được mục tiêu kinh doanh trong kỳ dự toán.

Các dự toán chi phí kinh doanh chủ yếu được lập ở doanh nghiệp gồm:

#### ***2.3.1 Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phản ánh chi phí vật liệu sẽ được sử dụng cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các căn cứ được sử dụng để lập dự toán chi phí vật liệu trực tiếp gồm:

Định mức về lượng vật liệu sử dụng để sản xuất một đơn vị sản phẩm

Định mức về giá cho một đơn vị vật liệu

Căn cứ vào sản lượng sản xuất dự toán, doanh nghiệp tính toán số vật liệu cần sử dụng để lập dự toán chi phí vật liệu trực tiếp. Lập dự toán chi phí vật liệu trực tiếp, doanh nghiệp thường đồng thời với lập dự toán mua vật liệu trực tiếp.

#### ***2.3.2 Dự toán chi phí nhân công trực tiếp***

Dự toán chi phí nhân công trực tiếp phản ánh chi phí nhân công trực tiếp liên quan đến khối lượng sản phẩm sản xuất dự kiến của doanh nghiệp trong kỳ lập dự toán. Căn cứ để lập dự toán chi phí nhân công trực tiếp gồm:

Định mức thời gian lao động/1 sản phẩm

Đơn giá tiền lương/giờ lao động

Số lượng sản phẩm sản xuất dự toán

#### ***2.3.3 Dự toán chi phí sản xuất chung***

Dự toán chi phí sản xuất chung phản ánh chi tiết các chi phí sản xuất gián tiếp phát sinh ở phân xưởng sản xuất. Chi phí sản xuất chung gồm hai bộ phận: chi phí biến đổi và chi phí cố định. Việc lập dự toán chi phí sản xuất chung cố định căn cứ vào số liệu thống kê của doanh nghiệp về loại chi phí từ các kỳ trước. Phần chi phí sản xuất chung biến đổi được xác định căn cứ vào định mức chi phí sản xuất chung một đơn vị sản phẩm tương tự như các chi phí vật liệu trực tiếp hoặc chi phí nhân công trực tiếp.

#### ***2.3.4 Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp***

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tương tự như chi phí sản xuất chung, có thể phân chia thành chi phí biến đổi và chi phí cố định. Việc lập dự toán các khoản chi phí này được thực hiện như đối với lập dự toán chi phí sản xuất chung.

### **2.4 Báo cáo bộ phận**

Để đánh giá hiệu quả hoạt động của các bộ phận trong doanh nghiệp, người ta phải lập các báo cáo bộ phận. Các báo cáo bộ phận thường được lập theo các trung tâm trách nhiệm để đánh giá hiệu quả hoạt động và hiệu quả quản lý của người đứng đầu trung tâm. Báo cáo bộ phận có ý nghĩa quan trọng trong các doanh nghiệp tổ chức theo mô hình phân quyền. Báo cáo bộ phận chính là một hình thức thể hiện của trung tâm trách nhiệm, đặc biệt là các trung tâm trách nhiệm đầu tư là trung tâm mà nhà quản trị phải chịu trách nhiệm cả về lợi nhuận và vốn đầu tư sử dụng trong bộ phận đó. Báo cáo bộ phận giúp cho các nhà quản trị bộ phận đánh giá được kết quả hoạt động của các bộ phận mà mình quản lý thông qua chỉ tiêu lợi nhuận bộ phận và lợi nhuận thuần, từ đó có các biện pháp quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao hơn cho bộ phận và cho toàn DN. Báo cáo bộ phận cũng là nguồn cung cấp thông tin để phân tích chênh lệch nhằm phát hiện các nguyên nhân làm phát sinh chênh lệch chi phí giữa thực tế và dự toán.

Khi lập báo cáo bộ phận, kế toán phải sử dụng mẫu báo cáo thu nhập

theo lãi gộp trong đó trình bày các chỉ tiêu: doanh thu, chi phí biến đổi, lãi gộp, chi phí cố định trực tiếp và lợi nhuận hoạt động của mỗi bộ phận. sai lầm khi phân bổ chi phí cố định chung cho các bộ phận có thể làm sai lệch hiệu quả kinh doanh của các bộ phận từ đó dẫn đến đánh giá và quyết định sai.

### CHƯƠNG III

#### THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ TẠI KHÁCH SẠN KIM LIÊN

#### **3.1 Đặc điểm tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh tại Khách sạn Kim Liên có ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ**

##### ***3.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển***

Công ty du lịch và khách sạn Kim Liên được thành lập theo quy định 49/TC - CCG ngày 12/05/1962 của cục chuyên gia trên cơ sở hợp nhất hai khách sạn: khách sạn Bạch Đằng và khách sạn Bạch Mai. Ban đầu khách sạn lấy tên là Bạch Mai trực thuộc cục chuyên gia.

Trải qua hơn 40 năm tồn tại và phát triển công ty đã 6 lần đổi tên cho phù hợp với thực tế hoạt động của công ty.

- Ngày 12 tháng 05 năm 1961: khách sạn Bạch Mai
- Năm 1971: khách sạn chuyên gia Kim Liên
- Ngày 29 tháng 08 năm 1992: khách sạn chuyên gia và du lịch Kim Liên.
- Ngày 19 tháng 7 năm 1993, công ty du lịch Bông Sen Vàng.
- Ngày 25 tháng 11 năm 1994: công ty khách sạn du lịch Kim Liên.

Cơ sở vật chất ban đầu gần 8 dãy nhà 4 tầng tại làng Kim Liên nằm ở phía Nam Thành phố. Nhiệm vụ chính của khách sạn là phục vụ các chuyên gia các nước xã hội chủ nghĩa sang Việt Nam làm việc. Đó là cơ sở phục vụ chuyên gia lớn miền Bắc, có thể phục vụ hàng ngàn chuyên gia. Trong những năm 1981 và 1985 số lượng chuyên gia sang Việt Nam làm việc tăng lên do vậy nhu cầu về phòng ở cho chuyên gia cũng tăng lên, khách sạn buộc phải mở rộng qui mô và xây dựng thêm dãy nhà có 72 phòng.

Tháng 03 năm 1986 khách sạn chuyên gia được chuyển từ Cục chuyên gia sang tổng cục du lịch Việt Nam cuối năm 1990 đầu năm 1991 hàng năm chuyên gia sang ở khách sạn đã rút về nước làm việc kinh doanh của khách



sạn bị giảm sút. Đứng trước tình hình khó khăn trước mắt. Khách sạn buộc phải xin ý kiến cấp trên để giải quyết tình hình khó khăn, để định hướng đầu tư nâng cấp khách sạn và nâng cấp chất lượng sản phẩm để thu hút khách không phải là chuyên gia. Trong giai đoạn này, khách sạn hướng mục tiêu vào khách trong nước là chủ yếu chuẩn bị từng bước để đón khách nước ngoài cũng trong giai đoạn này khách sạn cũng được nâng cấp một dãy nhà và đưa các trang thiết bị vào bộ phận buồng, bar, bàn, bếp tạo thành một khu khép kín phục vụ khách sạn và có khả năng thanh toán cao. Ngoài ra khách sạn còn lắp đặt tổng đài điện thoại 200 số liên lạc nội bộ và phục vụ khách sạn đàm thoại, quốc tế, sửa chữa đường điện, nước đầu năm 1992 cục chuyên gia chính thức giao vốn cho khách sạn. Kể từ đó khách sạn bước vào thời kỳ mới thời kỳ hoạt động theo cơ chế thị trường, thời kỳ hạch toán độc lập khách sạn cũng cải tạo nâng cấp buồng ngủ, nhà hàng và các dịch vụ bổ sung nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ kèm theo như massage, thương mại, tennis, karaoke và các kiốt bán hàng phục vụ khách trong nước và quốc tế.

Năm 1993 cục chuyên gia được sáp nhập vào tổng cục du lịch khách sạn chuyên gia và du lịch Kim Liên. Sau 32 năm phục vụ các chuyên gia nay chuyển sang hoạt động trong ngành du lịch trực thuộc tổng cục du lịch.

Năm 1994 khách sạn tiếp tục nâng cấp, cải tạo và được tổng cục du lịch đánh giá đạt tiêu chuẩn 3 sao khách sạn có cầu thang máy có hệ thống báo cháy tự động, tổng đài điện thoại 1000 số hệ thống thông tin liên lạc quốc tế, kênh tivi thu từ vệ tinh và có nhiều kênh nước ngoài và khách sạn đổi tên thành khách sạn Bông Sen Vàng.

Tháng 10 năm 1996: Công ty đã đổi tên thành công ty khách sạn du lịch Kim Liên như hiện nay.

Năm 1997 đến nay khách sạn đã không ngừng nâng cấp, cải tạo xây dựng khu nhà ở, nhà hàng, quang cảnh môi trường, cải tạo điện nước, bể bơi,

sân tennis, massage.

Công ty đã trải qua 6 lần đổi tên và có bề dày hoạt động hơn 40 năm công ty đã trải qua thời kỳ bao cấp và đang từng bước vào hoạt động theo cơ chế thị trường những thời kỳ biến động và thử thách. Nhờ có sự xác định đúng hướng, đúng mục tiêu kinh doanh từ đó khách sạn đã có kế hoạch và biện pháp đầu tư đúng trọng điểm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh luôn bảo toàn vốn đảm bảo cho hoạt động kinh doanh năm sau cao hơn năm trước, đảm bảo ổn định và nâng cao sức sống, khả năng sáng tạo cho công nhân viên là do công suất sử dụng phòng luôn ở mức cao đem lại doanh thu cho khách sạn.

### ***3.1.2 Đặc điểm của hoạt động kinh doanh dịch vụ khách sạn***

Khách sạn là ngành kinh tế tổng hợp phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi vui chơi giải trí của khách hàng

Việc mở rộng và phát triển kinh doanh và phát triển dịch vụ du lịch, có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sản xuất và nâng cao đời sống xã hội. ở nước ta, trong những năm gần đây, kinh doanh dịch vụ du lịch đã trở thành ngành kinh tế quan trọng, nó phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng.

Quá trình sản xuất kinh doanh của Khách sạn Kim Liên

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh của khách sạn vừa mang tính chất sản xuất, kinh doanh vừa mang tính chất phục vụ văn hoá xã hội. Hoạt động kinh doanh của công ty đa dạng và phong phú, bao gồm: Kinh doanh hướng dẫn du lịch, kinh doanh vận chuyển khách du lịch trong nước và ngoài nước, kinh doanh buôn ngủ, kinh doanh hàng ăn uống, kinh doanh các dịch vụ khác như: Tắm hơi, massage, giặt là, bán hàng lưu niệm...

+ Sản phẩm của ngành dịch vụ du lịch nói chung và của khách sạn Kim Liên nói riêng thường không mang hình thái vật chất cụ thể. Quá trình sản xuất

kinh doanh gắn liền với quá trình tiêu thụ. Khách hàng mua sản phẩm du lịch trước khi họ nhìn thấy sản phẩm đó.

+ Hoạt động kinh doanh mang tính chất thời vụ và phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, môi trường và điều kiện văn hóa xã hội.

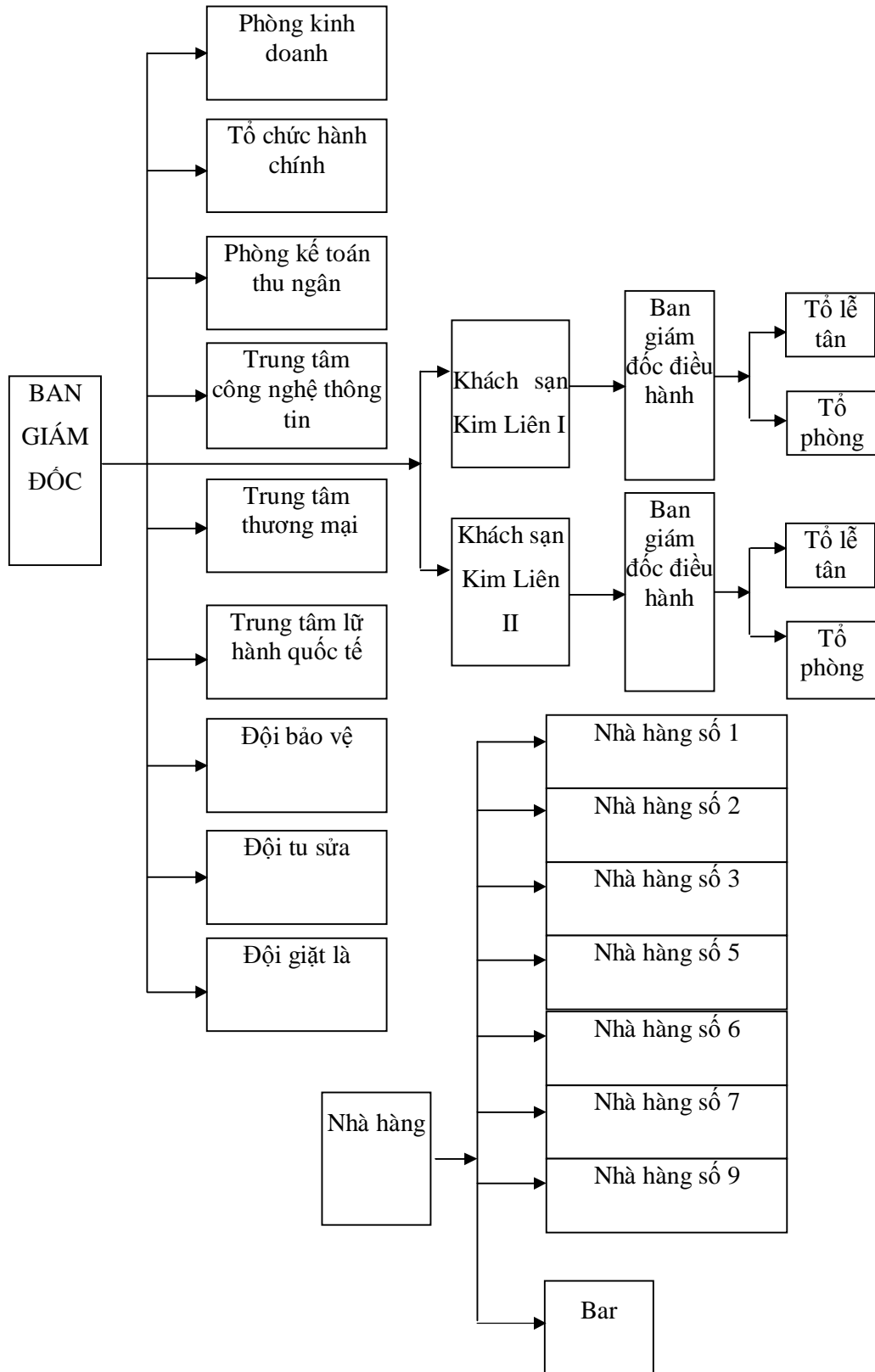
Những đặc điểm sản xuất kinh doanh của khách sạn cũng là đặc điểm chung của ngành kinh doanh dịch vụ khách sạn và nó chi phối trực tiếp công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ.

Nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên của khách sạn; không ngừng hoàn thiện và nâng cao vị thế của mình trên lĩnh vực trong nước và quốc tế.

### ***3.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh của Khách sạn Kim Liên***

Khách sạn Kim Liên được tổ chức và hoạt động theo luật Doanh nghiệp số 68/2015/QH13 ngày 26/11/2015. Mô hình tổ chức quản lý trong khách sạn bao gồm bộ máy quản lý cơ chế hoạt động của từng bộ phận trong bộ máy được khái quát theo sơ đồ sau:

**Sơ Đồ 3.1 Bộ máy q Khách sạn**



Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban:

1. Ban giám đốc: chịu trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động kinh doanh của khách sạn
2. Phòng kinh doanh: có trách nhiệm thu hút khách mở rộng và củng cố khách cho khách sạn, xúc tiến các hoạt động kinh doanh.
3. Phòng tổ chức hành chính: có chức năng quản lý các hoạt động về mặt nhân sự, tuyển dụng bố trí đào tạo cán bộ nhân viên
4. Phòng kế toán, thu ngân: chịu trách nhiệm theo dõi mọi hoạt động tài chính.
5. Trung tâm công nghệ thông tin: có chức năng quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị điện tử hướng dẫn sử dụng vi tính.
6. Trung tâm thương mại: tổ chức hoạt động mang tính thương mại
7. Trung tâm lữ hành quốc tế: có chức năng tổ chức các Tour du lịch cho khách hàng trong và ngoài nước.
8. Đội tu sửa: chịu trách nhiệm về chất lượng hoạt động của các trang thiết bị kỹ năng.
9. Đội bảo vệ: có trách nhiệm bảo vệ toàn bộ khu vực trong và ngoài khách sạn
10. Tổ lễ tân: có trách nhiệm đăng ký phòng cho khách giúp đỡ khách lựa chọn phòng và dịch vụ khác.
11. Tổ phòng; đây là khâu then chốt nhất của khách sạn chiếm tỷ lệ trong doanh thu, chi phối, chi phối quy mô hoạt động của bộ phận khác.
12. Nhà hàng: phục vụ ăn uống
13. Đội giặt là: chịu trách nhiệm giặt là

Nhiệm vụ: Liên kết chặt chẽ với bộ phận đón tiếp nắm vững kế hoạch chuẩn bị phòng sao cho tốt nhất.

Làm vệ sinh phòng theo đúng qui định và tiêu chuẩn

\* Nhận xét: Khách sạn Kim Liên là một trong những khách sạn có quy mô lớn có cơ cấu tổ chức và quản lý rất chặt chẽ các bộ phận phối hợp rất nhịp nhàng nên doanh thu của khách sạn rất lớn.

#### **3.1.4 Các chính sách kế toán hiện đang áp dụng tại Khách sạn**

Khách sạn Kim Liên tổ chức thực hiện công tác kế toán theo Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán đã ban hành

- Chế độ kế toán áp dụng:

+ Giai đoạn trước năm tài chính 2015 khách sạn thực hiện theo QĐ 15/2006 - BTC ngày 20/03/2006

+ Từ năm tài chính 2015: Khách sạn thực hiện theo thông tư 200/2014/TT-BTC

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ 01/01/N và kết thúc vào ngày 31/12/N

- Đơn vị tính: Việt Nam đồng

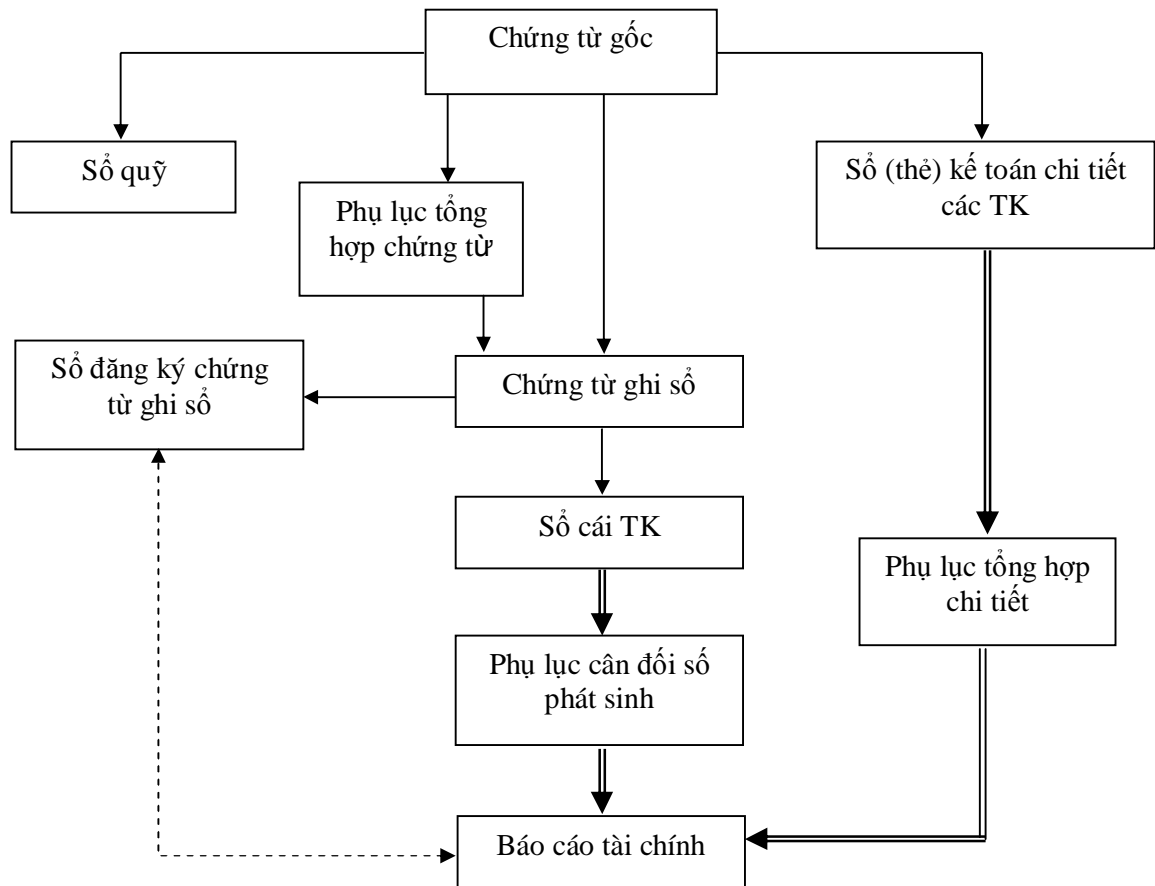
- Khấu hao tài sản cố định: Theo phương pháp khấu hao theo đường thẳng

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ

- Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: Phương pháp nhập trước xuất trước

- Hình thức kế toán công ty áp dụng: Theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

**Sơ đồ 3.2 Trình tự kế toán**

→ Ghi hàng ngày

⇨ Ghi cuối tháng

←--> Quan hệ đối chiếu

### **3.2 Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại Khách sạn Kim Liên**

#### **3.2.1 Đặc điểm chi phí và phân loại chi phí sản xuất tại Khách sạn Kim Liên**

##### **3.2.1.1 Đặc điểm chi phí tại Khách sạn Kim Liên**

Khách sạn Kim Liên là một Khách sạn chuyên hoạt động kinh doanh các ngành kinh tế tổng hợp phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí của khách

hàng. Khách sạn Kim Liên kinh doanh một ngành đặc biệt vừa mang tính chất sản xuất - kinh doanh, vừa mang tính chất phục vụ văn hoá, xã hội. Hoạt động kinh doanh của Khách sạn Kim Liên rất đa dạng, phong phú, nó bao gồm các hoạt động: kinh doanh vận chuyển, kinh doanh buồng ngủ, kinh doanh hàng ăn uống, kinh doanh các dịch vụ khác như tắm hơi, massage, chụp ảnh, giặt là....

Mỗi hoạt động kinh doanh Khách sạn Kim Liên có tính chất khác nhau do có nội dung chi phí của từng hoạt động cụ thể cũng khác nhau. Hơn nữa do điều kiện có hạn nên trong đề tài này em chỉ đề cập đến hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành của hoạt động kinh doanh buồng ngủ.

### 3.2.1.2 Phân loại chi phí

Chi phí sản xuất ở Khách sạn Kim Liên gồm nhiều khoản mục, mỗi khoản mục lại gồm nhiều loại chi phí cụ thể khác nhau. Việc hạch toán chi phí sản xuất theo từng loại chi phí nhằm cung cấp thông tin phù hợp cho người sử dụng, phục vụ cho công tác quản lý nói chung đồng thời tạo điều kiện cho việc phân đấu giảm chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm buồng.

#### a. Phân loại theo yếu tố chi phí

Khách sạn Kim Liên phân loại chi phí, sản xuất theo nội dung tính chất kinh tế của chi phí (phân loại chi phí theo yếu tố chi phí ) gồm:

Chi phí nguyên vật liệu:

Bao gồm toàn bộ các loại nguyên vật liệu cần thiết để chi phí cho buồng như; chèn, xà phòng, dầu gội đầu, thuốc đánh răng...

Chi phí công cụ dụng cụ:

Bao gồm toàn bộ các loại công cụ, dụng cụ cần thiết để tạo thành buồng như: chăn màn, ga gối, ti vi...

Chi phí nhân viên phục vụ:

Bao gồm tiền lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp có tính chất



lương của nhân viên phục vụ: lễ tân, buồng...

Chi phí khấu hao TSCĐ:

Chi phí dịch vụ mua ngoài bao gồm những chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho buồng như: điện nước, điện thoại, sửa chữa TSCĐ thuê ngoài....

Các chi phí khác: Quảng cáo...

*b. Phân loại theo khoản mục chi phí*

Để phục vụ tính giá thành dịch vụ, Khách sạn Kim Liên phân loại chi phí theo khoản mục gồm:

Chi phí vật liệu trực tiếp:

Gồm các vật liệu cần thiết phục vụ cho hoạt động buồng như; chèn, xà phòng, dầu gội đầu, kem đánh răng...

Chi phí nhân công trực tiếp

Bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên trực tiếp của bộ phận buồng trong khách sạn.

Chi phí sản xuất chung

Bao gồm các chi phí khác phát sinh phục vụ cho hoạt động của bộ phận buồng như tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí dụng cụ dùng chung, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho buồng như: điện nước, điện thoại, sửa chữa TSCĐ thuê ngoài....

**3.2.2 Đối tượng kế toán chi phí sản xuất**

Do tính chất đa dạng về loại hình dịch vụ và phương thức thực hiện dịch vụ gắn với từng ngành dịch vụ cụ thể nên việc xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất kinh doanh là khá phức tạp. Khách sạn Kim Liên phải căn cứ vào đặc thù về tổ chức quản lý, loại hình và phương thức thực hiện dịch vụ để xác định đối tượng tập hợp chi phí, làm cơ sở tổ chức kế toán chi phí, đáp ứng yêu cầu tính giá thành, kiểm soát và quản lý chi phí một cách có hiệu quả. Đối tượng kế toán của hoạt động buồng là bộ phận buồng.

### 3.2.3 Kế toán chi phí sản xuất

#### 3.2.3.1 Hạch toán chi phí công cụ, dụng cụ

Để hạch toán chi phí công cụ, dụng cụ Khách sạn Kim Liên sử dụng TK6273.

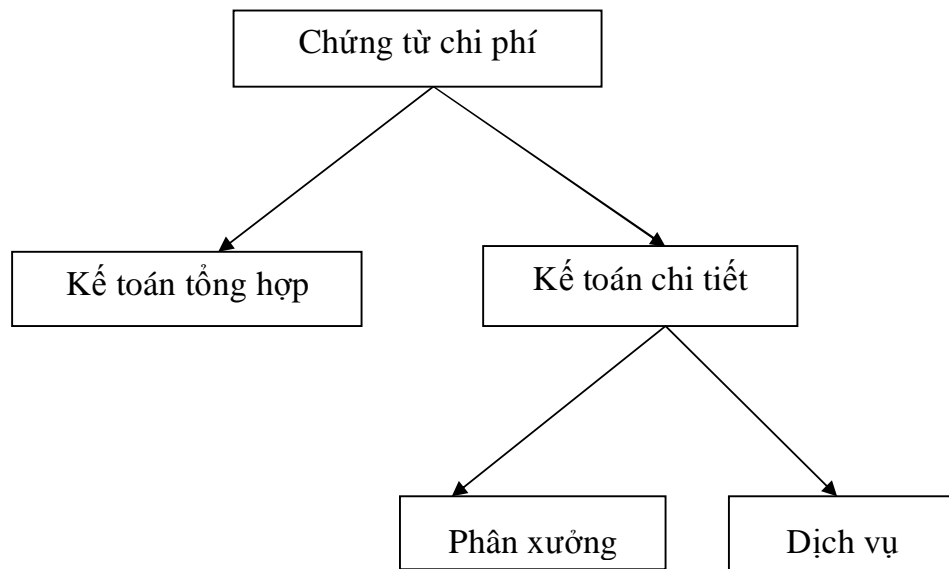
Chi phí công cụ, dụng cụ cho một buồng ngủ thường chiếm tỷ trọng lớn cho tất cả các chi phí bỏ vào buồng, công cụ dụng cụ thường là có giá trị lớn và sử dụng lâu. Do vậy để tập hợp được chi phí công cụ, dụng cụ thì phải tính toán phân bổ hợp lý giá trị công cụ, dụng cụ đó ở Khách sạn Kim Liên. Công cụ dụng cụ dùng cho buồng có giá trị tương đối lớn không xác định được thời gian sử dụng như: chăn, màn, ga, gối, lọ hoa...Khách sạn Kim Liên áp dụng tính toán phân bổ theo phương pháp phân bổ 2 lần (phân bổ 50%).

Theo phương pháp này khi xuất dùng công cụ, dụng cụ, kế toán tính toán phân bổ ngay 50% trị giá vốn thực tế của công cụ, dụng cụ xuất dùng (phân bổ 1 lần) tính vào chi phí sản xuất kinh doanh buồng, khi báo hỏng (mất) công cụ, dụng cụ đang dùng thì kế toán tiến hành tính toán và phân bổ nốt giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ (phân bổ lần 2) vào chi phí sản xuất kinh doanh buồng: giá trị còn lại phân bổ lần 2 được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn} \\ \text{lại Phân} \\ \text{bổ lần 2} \end{array} = \begin{array}{l} 50\% \text{ trị giá vốn} \\ \text{tế của công cụ} \\ \text{dụng cụ báo hỏng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{giá trị phế liệu} \\ \text{thu hồi (số tiền bồi} \\ \text{thường nếu có)} \end{array}$$

- Khi xuất công cụ, dụng cụ thuộc loại phân bổ 2 lần trong năm căn cứ vào phiếu xuất kho công cụ, dụng cụ: Kế toán tính ra trị giá vốn thực tế công cụ, dụng cụ xuất kho.( Phụ lục 3.1)

### Sơ đồ 3.3 Quy trình luân chuyển chứng từ



Cuối tháng căn cứ vào phiếu xuất kho: Kế toán tính ra trị giá vốn thực tế công cụ dụng cụ xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền và ghi vào sổ chi tiết. (Phụ lục 3.2)

Căn cứ vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, sổ chi tiết, kế toán ghi vào sổ Nhật biên Nợ, Nhật biên Có TK1531. (Phụ lục 3.3; Phụ lục 3.4)

#### 3.2.3.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp:

Để tập hợp chi phí nhân công trực tiếp, kế toán Khách sạn Kim Liên dùng TK62711 “Chi phí nhân công”

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản: tiền lương, tiền công, BHXH... của công nhân sản xuất.

Tại Khách sạn Kim Liên tiền lương của công nhân được tính theo lương năng suất và lương.

Khách sạn Kim Liên trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo đúng chế độ quy định

Tiêu thức	Tổng trích	Tính vào chi phí	Công nhân phải nộp
BHXH	26%	18%	8%
BHYT	4.5%	3%	1.5%
KPCĐ	2%	2%	
Tổng cộng	32.5%	23%	9.5%

Căn cứ vào Phụ lục thanh toán lương của cán bộ công nhân toàn Khách sạn, kế toán lập Phụ lục tổng hợp tiền lương. ( Phụ lục 3.5; 3.6; 3.7;3.8;3.9)

### 3.2.3.3 Hạch toán chi phí khấu hao tài sản cố định

Tại Khách sạn Kim Liên, TSCĐ là cơ sở vật chất chủ yếu là một trong những yếu tố quan trọng để tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. Để hạch toán chi phí khấu hao TSCĐ, kế toán sử dụng TK6274.

TSCĐ tăng giảm đều được kế toán quản lý chặt chẽ và hạch toán đúng quy định hiện hành. Vì Khách sạn Kim Liên trích khấu hao TSCĐ theo tháng nên số khấu hao phải trích trong tháng là.

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ} \times \text{tỷ lệ khấu hao}}{12 \text{ tháng}}$$

Do TSCĐ biến động (tăng) trong tháng nên số khấu hao của tháng này được tính như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Mức khấu hao} & \text{Khấu hao} & & \text{Khấu hao} & & \text{Khấu hao} & \\ \text{Tháng này} & = & \text{tháng trước} & + & \text{tăng trong tháng} & - & \text{Giảm tháng trước} \end{array}$$

Hiện nay Khách sạn Kim Liên tiến hành trích khấu hao TSCĐ theo thông tư 45/2013/TT -BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính về ban hành

chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao cuối tháng căn cứ vào tình hình tăng giảm tháng trước để tính số khấu hao vào chi phí sản xuất trong kỳ, kế toán tiến hành lập Phụ lục phân bổ khấu hao TSCĐ.

Như vậy chi phí khấu hao TSCĐ thuộc chi phí sản xuất chung là tổng mức khấu hao của các loại TSCĐ dùng Trong Khách sạn Kim Liên sử dụng phương pháp tính khấu hao theo thời gian.

Trong tháng kế toán theo dõi tình hình tăng giảm của Tài sản cố định, và đến cuối mỗi quý kế toán chi tiết lập sổ theo dõi phí khấu hao tài sản cố định để trình lên Giám đốc giải quyết (Phụ lục 3.10;3.11;3.12)

#### *3.2.3.4 Hạch toán chi phí dịch vụ mua ngoài*

Ở khách sạn Kim Liên thì chi phí dịch vụ mua ngoài là những khoản chi phí về điện, điện thoại, văn phòng phẩm phục vụ cho sản xuất chung. Để hạch toán chi phí này, Khách sạn sử dụng sử dụng TK6277.

Hàng tháng khách sạn Kim Liên thanh toán các khoản chi phí này bằng tiền, sau đó kế toán phân bổ chi phí này cho từng loại sản phẩm theo tỷ lệ. hàng tháng căn cứ vào các loại hoá đơn của người bán và các khoản dịch vụ, kế toán ghi vào sổ theo dõi phí, sổ cái. Trong quý 04/2015 kế toán tập hợp được tổng số chi phí dịch vụ mua ngoài đã trả bằng tiền mặt là: 4.260.585.671đ

#### *3.2.3.5 Chi phí sửa chữa*

Các khoản chi phí sửa chữa như: bảo dưỡng-kính trắng, tổng đài- IC nguồn bảo dưỡng vỏ máy tính được kế toán hạch toán trên TK 6275.

Quý 04/2015 kế toán tập hợp được tổng số chi phí sửa chữa là 233.244.300đ (Phụ lục 3.13; 3.14)

#### *3.2.3.6 Hạch toán chi phí bằng tiền khác:*

Các chi phí khác bằng tiền là các khoản: mua hoa đặt buồng, bút bi, diêm, v.v... được kế toán hạch toán trên TK 6278.

Trong quý 4/2015 tổng chi phí khác bằng tiền phục vụ cho buồng đã trả bằng tiền mặt là: 5.306.792đ ( Phụ lục 3.15; Phụ lục 3.16)

### **3.2.4 Đánh giá sản phẩm làm dở cuối kỳ**

Để tính giá thành sản phẩm thực tế hoạt động kinh doanh trong kỳ, phải tính ra chi phí của sản phẩm làm dở cuối kỳ. Do đặc thù hoạt động kinh doanh dịch vụ tại Khách sạn Kim Liên cuối kỳ không có sản phẩm dở dang nên không đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.

## **3.3 Tính giá thành sản phẩm**

### **3.3.1 Đối tượng tính giá thành sản phẩm**

Phục vụ cho tính giá thành dịch vụ, mỗi hoạt động của Khách sạn được xác định đối tượng tính giá thành khác nhau:

+ Đối với hoạt động hướng dẫn du lịch, đối tượng tính giá thành là tour du lịch, chuyến thăm quan.

+ Đối với hoạt động vận chuyển du lịch là lượt hành khách đã vận chuyển.

+ Đối với hoạt động kinh doanh buồng ngủ là lượt phòng thuê trên một ngày đêm của từng loại phòng. (Loại I, Loại II, loại đặc biệt)

Ở Khách sạn Kim Liên thì đối tượng tính giá thành là ngày/phòng cho thuê và giá thành được tính bình quân cho các loại phòng. Khách sạn có tất cả 178 phòng và công suất hoạt động của nó là 55%.

### **3.3.2 Kỳ tính giá thành sản phẩm**

Kỳ tính giá thành dịch vụ của Khách sạn Kim Liên theo tháng

### **3.3.3 Tính giá thành dịch vụ**

Do quá trình hoạt động kinh doanh của Khách sạn Kim Liên tương đối đơn giản và ổn định, kỳ tính giá thành phù hợp với kỳ báo cáo, đối tượng tính giá thành phù hợp với đối tượng tập hợp chi phí nên Khách sạn Kim Liên áp dụng phương pháp tính giá thành đơn giản.

CT:

$$Z = Dđk + C - Dck$$

$$Zđv = \frac{Z}{Q}$$

Cuối năm Khách sạn Kim Liên căn cứ vào các sổ theo dõi chi phí theo từng quý trên các tài khoản để tổng hợp lại và lập bảng tổng hợp chi phí kinh doanh cả năm toàn Khách sạn (Phụ lục 3.17)

### **3.4. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp**

Để kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động, các doanh nghiệp phải lập dự toán. Tuy nhiên, hiện tại Khách sạn Kim Liên mới chỉ có định mức chi phí vật liệu cho từng phòng theo số lượng khách đến thuê phòng, chưa lập dự toán và chưa phân loại chi phí theo mối quan hệ với khối lượng hoạt động. Thông tin chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp hầu như chưa có.

### **3.5 Đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại Khách sạn Kim Liên**

Qua tìm hiểu, nghiên cứu và phân tích thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại Khách sạn Kim Liên, tác giả thấy một số ưu điểm và hạn chế sau:

#### **3.5.1. Ưu điểm**

Xét dưới hai góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị

- Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cơ bản được thực hiện theo đúng chế độ kế toán của Nhà nước. Chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ được hạch toán theo đúng chế độ quy định, đáp ứng được yêu cầu lập báo cáo tài chính.

- Khách sạn đã ứng dụng tin học vào công tác kế toán, giúp tiết kiệm thời gian và công sức của cán bộ kế toán, kịp thời phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời các báo cáo kế toán được thực hiện nhanh chóng và kịp thời phục vụ yêu cầu quản trị kinh doanh
- Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được xác định phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của Khách sạn. Phương pháp tính giá thành sản phẩm được lựa chọn hợp lý, đơn giản, tăng cường được công tác kiểm tra, giám sát chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ, giúp công tác phân tích giá thành để các nhà quản trị đưa ra các biện pháp tiết kiệm chi phí, nâng hiệu quả sản xuất kinh doanh, xây dựng được giá thực tế hợp lý.
- Kế toán tính giá thành đã đáp ứng được yêu cầu xác định kết quả kinh doanh của Khách sạn, giúp Khách sạn chủ động đưa ra các phương án lợi nhuận, kế hoạch lợi nhuận trong ngắn hạn và dài hạn.
- Hình thức kế toán áp dụng phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh và quản lý kinh doanh của Khách sạn. Hệ thống sổ kế toán được mở theo đúng chế độ quy định. Việc mở sổ kế toán theo dõi chi tiết chi phí sản xuất và tính giá thành từng dịch vụ đã giúp nhà quản trị có đủ thông tin tin cậy để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, định mức chi phí, đồng thời cho biết tính hợp lý trong việc sử dụng nguồn lực cho từng hoạt động, từng bộ phận.
- Khách sạn đã tiến hành phân tích giá thành, bước đầu đánh giá được tình hình thực hiện các chế độ quản lý kinh tế trong Nhà nước, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chỉ tiêu giá thành, đưa ra những giải pháp khắc phục, khai thác tiềm năng trong hoạt động của khách sạn.

### ***3.5.2 Những tồn tại***

Bên cạnh những ưu điểm, công tác chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ còn một số hạn chế:



+ Việc sử dụng tài khoản chưa hợp lý.

Hiện nay, công ty sử dụng tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung” để tập hợp chi phí sản xuất, cả chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp, chi phí bán hàng. Về nguyên tắc tài khoản 627 “chi phí sản xuất chung” được sử dụng để hạch toán tất cả các chi phí chung phát sinh trong kinh doanh như: Khấu hao tài sản cố định, chi lương nhân viên quản lý sản xuất. Nhìn chung những chi phí này thường được tập hợp và phân bổ cho từng bộ phận sản xuất trong doanh nghiệp khách sạn đã sử dụng tài khoản này để tập hợp chi phí phục vụ cho việc tính giá thành, làm cho rất khó tách bạch giữa chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp và chi phí sản xuất chung. Hay nói cách khác là khó tách biệt giữa chi phí nhân công trực tiếp, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

+ Trình tự kế toán áp dụng chưa thống nhất với chế độ hiện hành.

Do sử dụng cách hạch toán trực tiếp chi phí sản xuất vào tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung” và sử dụng tài khoản 627 để tập hợp chi phí và tính giá thành nên trình tự kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành chưa thống nhất với chế độ hiện hành. Vì theo chế độ hiện hành thì chi phí sản xuất chung dùng để tập hợp: Chi phí quản lý sản xuất, chi phí khấu hao... Nhưng công ty lại sử dụng để tập hợp cả chi phí nhân viên, chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu bao bì, chi phí khác bằng tiền... Như vậy là không phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

+ Về hạch toán chi phí sửa chữa.

Do đặc điểm của ngành kinh doanh Khách sạn nên chi phí sửa chữa của khách sạn tương đối lớn. Đó là chi phí sửa chữa phòng, bảo dưỡng máy móc, thiết bị như máy điều hoà, ti vi, tủ lạnh, sửa phòng... Tuy nhiên, khi chi phí sửa chữa phát sinh kế toán lại không phân bổ cho chi phí sản xuất kinh doanh nhiều tháng, quý mà lại hạch toán ngay vào chi phí của tháng, quý đó làm ảnh

hưởng đến kết quả kinh doanh trong tháng, quý.

+ Việc phân loại chi phí sản xuất khách sạn chưa phân loại chi phí thành chi phí sản xuất và chi phí biến đổi

+ Việc nhận diện, phân loại chi phí vẫn đứng trên góc độ kế toán tài chính nhằm thực hiện cung cấp thông tin cho kế toán tài chính. Khách sạn mới chỉ tiến hành phân loại chi phí theo yếu tố chi phí và khoản mục giá thành, không phân loại theo cách ứng xử của chi phí. Điều này giúp cho công việc của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ được thuận lợi và đảm bảo việc lập báo cáo chi phí, giá thành theo đúng quy định của nhà nước. Tuy nhiên mức độ cung cấp thông tin cho nhà quản trị chưa cao và chưa có hiệu quả. Các doanh nghiệp chưa coi trọng cách phân loại chi phí khác phục vụ cho yêu cầu quản trị như: Phân loại theo cách ứng xử của chi phí, theo trách nhiệm quản lý... Điều này chứng tỏ doanh nghiệp chưa thấy hết tầm quan trọng của việc ứng dụng thông tin của cách phân loại chi phí trong việc lập báo cáo cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định của doanh nghiệp. Do vậy các nhà quản trị không thể có được thông tin về chi phí cố định, chi phí chìm, chi phí biến đổi, chi phí hỗn hợp... Do vậy, các doanh nghiệp sẽ không có cơ sở khoa học và sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn phương án áp dụng có hiệu quả, dịch vụ được sử dụng nhiều, và khách sạn đưa ra giá dịch vụ hợp lý.

+ Tổ chức bộ máy kế toán được xây dựng mới tập trung vào công tác kế toán thu nhận, xử lý, cung cấp thông tin của kế toán tài chính là chủ yếu, chưa quan tâm đến việc thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin cho yêu cầu thuộc kế toán quản trị. Nội dung và phạm vi của kế toán tài chính và kế toán quản trị được nhận thức chưa đầy đủ. Trong công việc phân công hiện nay chủ yếu là kế toán với nội dung đã được quy định trong các văn bản của Nhà nước mà chưa chủ động trong việc tổ chức và thực hiện kế toán quản trị phục vụ cho

yêu cầu quản trị như phân tích báo cáo chi phí, phân tích và ứng dụng mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận.

+ Khách sạn chưa hạch toán và lập báo cáo bộ phận để đánh giá hiệu quả hoạt động của các bộ phận theo từng hoạt động dịch vụ.

+ Khách sạn hầu như không lập các chứng từ kế toán phục vụ kế toán quản trị. Việc tập hợp chứng từ chi phí sản xuất chưa kịp thời nên ảnh hưởng nhiều trong công việc cung cấp thông tin, lập báo cáo nhanh.

+ Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành mới chỉ dừng lại ở chức năng cung cấp thông tin đã thực hiện được mà chưa phục vụ cho việc kiểm tra tình hình tuân thủ các định mức kinh tế kỹ thuật và các dự toán chi phí. Khách sạn chưa xây dựng được dự toán chi phí tiêu chuẩn hoàn thiện.

+ Chưa xác định được rõ mối liên hệ cung cấp thông tin giữa các bộ phận. Giữa các bộ phận cần cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời. Từ đó xử lý và ra quyết định về mối liên hệ giữa các phòng.

Tóm lại, trong chương III luận văn đã trình bày được thực trạng và đánh giá chung về ưu điểm, hạn chế đối với kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ trên hai góc độ kế toán chi phí tài chính và kế toán quản trị tại khách sạn Kim Liên. Trên cơ sở đó em xin đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dịch vụ tại Khách sạn Kim Liên tại chương IV.

## CHƯƠNG IV

### HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ TẠI KHÁCH SẠN KIM LIÊN

#### **4.1 Sự cần thiết, yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ theo yêu cầu quản trị tại Khách sạn Kim Liên**

Cùng với sự phát triển của xã hội, nền sản xuất ngày càng phát triển, những sản phẩm được sản xuất ngày càng phong phú, đa dạng nhằm thoả mãn tốt hơn những nhu cầu đời sống xã hội. Để tổ chức quản lý có hiệu quả quá trình sản xuất trong điều kiện nền sản xuất xã hội ngày càng phát triển, con người cần nhận biết đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế, hiện tượng xã hội, quá trình kỹ thuật, hoạt động tài chính kinh tế từ đó ra các quyết định đúng đắn thúc đẩy sản xuất xã hội phát triển. Để đáp ứng một rong những hoạt động thông tin đó kế toán đã ra đời. Kế toán là khoa học thu thập, xử lý và cung cấp toàn bộ thông tin về tài sản và vận động của tài sản trong các đơn vị nhằm kiểm tra toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế của đơn vị. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành là một trong những nội dung quan trọng của công tác kế toán, là yếu tố quyết định đến hiệu quả của công tác kế toán cũng như những thông tin do kế toán cung cấp.

Trong nền kinh tế thị trường luôn tồn tại những mặt tích cực và hạn chế. Một trong những ưu điểm của nền kinh tế thị trường là quy luật đào thải. Chính mặt tích cực này đã làm cho nền sản xuất luôn luôn vận động theo chiều hướng đi lên. Sự cạnh tranh diễn ra không chỉ với các doanh nghiệp trong nước với nhau mà còn với các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài. Doanh nghiệp nào muốn tồn tại và phát triển thì yếu tố tiên quyết là phải có phương án sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế tức là đảm bảo bù đắp đủ chi phí và mang lại lợi nhuận. Nhưng làm sao để

thực hiện được phương án kinh doanh có lợi thì còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác như nguồn nhân lực con người, thị trường...

Đối với doanh nghiệp sản xuất phải thường xuyên cải tiến mẫu mã sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm để phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng nhưng đồng thời cũng phải tìm ra những biện pháp nhằm hạ giá thành sản phẩm, như thế sẽ làm tăng sức cạnh tranh, cũng như vị thế trên thị trường.

Muốn hạ được giá thành sản phẩm thì cần quản lý tốt chi phí sản xuất bởi vì chi phí sản xuất chính là cơ sở tính giá thành sản phẩm. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là cơ sở các nhà quản lý doanh nghiệp phân tích, đánh giá chất lượng công tác quản lý, từ đó đưa ra giải pháp nhằm tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm, đề ra các quyết định phù hợp với sự phát triển của doanh nghiệp. Như vậy vấn đề đặt ra là làm thế nào để kiểm tra việc sử dụng và thực hành tiết kiệm chi phí.

## **4.2 Các yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện**

### ***4.2.1 Yêu cầu hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại Khách sạn Kim Liên***

Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Khách sạn Kim Liên theo yêu cầu quản trị cần đảm bảo các yêu cầu sau:

*Thứ nhất:* Phải đảm bảo yêu cầu thiết thực và hiệu quả. Chức năng cơ bản của kế toán là cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng. Vì vậy, kế toán chi phí chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ phải được xây dựng nhằm đảm bảo cung cấp được những thông tin thiết thực và hiệu quả, giúp các nhà quản lý đưa ra các quyết định trong quản lý chi phí sản xuất và giá thành dịch vụ và hiệu quả quản lý nói chung của khách sạn.

*Thứ hai:* Phải đảm bảo cung cấp thông tin một cách đầy đủ, trung thực, khách quan, kịp thời. Xuất phát từ tầm nhìn quan trọng của thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm mà công tác kế toán phải đảm bảo cung

cấp được thông tin đầy đủ, trung thực theo yêu cầu của các nhà quản lý doanh nghiệp và các đối tượng sử dụng thông tin.

*Thứ ba:* Phải đảm bảo yêu cầu tiết kiệm, hiệu quả và có khả năng thực hiện.

#### ***4.2.2 Nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ theo yêu cầu quản trị tại Khách sạn Kim Liên***

- Phù hợp với chuẩn mực kế toán và luật kế toán Việt Nam, vận dụng hợp lý các phương pháp kế toán nhằm đảm bảo tính thống nhất, khách quan, trung thực của thông tin cung cấp.
- Phải phù hợp với đặc điểm tính chất hoạt động và quản lý, của ngành khách sạn nói chung và Khách sạn Kim Liên nói riêng, phù hợp với năng lực và trình độ quản lý Khách sạn.
- Việc hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ phải đáp ứng được nhu cầu thông tin cho quản trị doanh nghiệp với chi phí thấp nhất.

#### ***4.2.3 Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại Khách sạn Kim Liên***

Qua nghiên cứu, tìm hiểu thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại Khách sạn Kim Liên, căn cứ vào yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ, tác giả xin đưa ra một số giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phục vụ yêu cầu quản trị tại Khách sạn Kim Liên như sau:

##### ***Hoàn thiện phân loại chi phí.***

Hiện nay, Khách sạn tiến hành phân loại chi phí thành 3 loại: Chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Việc phân loại như trên có ý nghĩa là tổng hợp toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung vào một khoản mục. Điều này

không đảm bảo được tính khoa học, tính chính xác.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ, chi phí hoạt động kinh doanh nhà buồng nên được phân loại như sau:

\* Chi phí tạo nên giá thành:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Bao gồm các chi phí tạo nên giá thành dịch vụ buồng. Các chi phí này là những chi phí phục vụ cho những sinh hoạt cần thiết của khách thuê phòng. Đó là chi phí về giấy vệ sinh, xà phòng, kem đánh răng, dầu gội đầu, sữa tắm... Riêng chi phí về điện nước mặc dù có thể coi là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp nhưng rất khó tính chính xác mức tiêu dùng của mỗi buồng, hơn nữa sự tiêu dùng về điện nước tại mỗi nhà, buồng theo mỗi ngày - phòng là tương đối đồng đều nhau, do đó ta có thể coi đó là chi phí sản xuất chung và phân bổ theo số ngày, phòng trong tháng.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm chi phí về tiền lương và các khoản tính theo lương của nhân viên phục vụ trực tiếp tại nhà buồng.

- Chi phí sản xuất chung: Bao gồm chi phí về điện, nước tại nhà buồng, chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý nhà buồng, phó giám đốc phụ trách buồng, tổ trưởng, tổ phó, ca trưởng, ca phó, chi phí khấu hao tài sản cố định nhà buồng.

\* Chi phí ngoài sản xuất:

1. Chi phí bán hàng: Bao gồm lương và các khoản trích theo lương của nhân viên lễ tân, nhân viên tiếp thị, chi phí tiếp thị, quảng cáo, chi phí khấu hao tài sản cố định của bộ phận lễ tân...

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm những chi phí phải trả cho nhân viên quản lý doanh nghiệp. Tiền khấu hao tài sản cố định quản lý, chi phí các dịch vụ mua ngoài... Các chi phí được tập hợp tại công ty sau đó tiến hành phân bổ cho các đơn vị trực thuộc theo phương pháp thích hợp.

\* Phân loại chi phí theo mức hoạt động

Để phục vụ cho quản trị doanh nghiệp như lập dự toán, phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận, xác định cơ cấu bán hàng và ra quyết định, v.v.... Khách sạn cần phân loại chi phí theo mức hoạt động. Đối với hoạt động buồng, mức hoạt động là số khách đến thuê phòng hoặc số phòng được thuê, khi đó chi phí phát sinh của bộ phận buồng cần được phân loại như sau:

TT	Chi phí	Cơ sở hoạt động	Phân loại chi phí		
			Biến đổi	Cố định	Hỗn hợp
1	Xà phòng	Khách	V		
2	Khăn tắm	Khách	V		
3	Khăn mặt	Khách	V		
4	Bàn chải, thuốc đánh răng	Khách	V		
5	Dầu gội đầu, sữa tắm	Khách	V		
6	Ga trải giường	Khách		V	
7	Chăn, gối	Khách		V	
8	Ấm nước	Khách		V	
9	Cốc uống nước	Khách		V	
10	Đèn bàn	Khách		V	
11	Bàn ghế	Khách		V	
12	Tủ đựng quần áo	Khách		V	
13	Bút bi	Khách	V		
14	Giấy vệ sinh	Khách	V		
15	Nước uống miễn phí	Khách	V		
16	Hóa chất	Khách	V		
17	Điều hòa nhiệt độ	Khách		V	
18	Tivi	Khách		V	
19	Chè	Khách	V		
20	Cà phê	Khách	V		
21	Điện	Khách			V
22	Nước	Khách	V		

Tuy nhiên, tất cả các chi phí trên có thể được phân loại là chi phí hỗn hợp sau đó phân loại bằng phương pháp bình phương bé nhất để tách chi phí hỗn hợp thành chi phí biến đổi và chi phí cố định.



### **4.3. Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dịch vụ trong Khách sạn Kim Liên**

Kế toán Việt Nam đang được chuyển đổi phù hợp với cơ chế thị trường, thông lệ và chuẩn mực kế toán quốc tế. Việc phân định kế toán thành kế toán tài chính và kế toán quản trị là một trong các yêu cầu cần thiết đang được quan tâm của các chuyên gia kế toán, tổ chức kế toán và những người sử dụng thông tin kế toán. Kế toán quản trị là một bộ phận của hạch toán kế toán nhằm thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ cho việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, từ kế hoạch chung, các bộ phận triển khai thành các mục tiêu thực hiện và kiểm tra kết quả thực hiện của mục tiêu này. Kế toán quản trị cung cấp thông tin để các nhà quản trị lập kế hoạch, kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá và ra quyết định quản trị. Hiện nay, Khách sạn Kim Liên vẫn chủ yếu tập trung vào kế toán tài chính, chưa thấy hết được vai trò cần thiết của việc đưa kế toán quản trị thành công cụ hiệu quả trong quản lý hoạt động sản xuất. Để phù hợp với xu thế chung và phục vụ cho công tác quản lý kinh tế trong doanh nghiệp tốt hơn. Khách sạn Kim Liên cần thiết phải xây dựng mô hình kế toán quản trị phù hợp với thực tế hoạt động và yêu cầu quản lý.

#### **4.3.1 Xây dựng mô hình kế toán quản trị tại Khách sạn Kim Liên**

Hiện tại đang tồn tại hai mô hình kế toán quản trị cơ bản:

- *Mô hình thứ nhất:* Tổ chức kế toán quản trị kết hợp chặt chẽ với việc tổ chức kế toán tài chính trong cùng một bộ máy trên cùng hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống sổ kế toán. Hình thức tổ chức này hiện đang phổ biến tại các doanh nghiệp và các nước áp dụng hình thức kế toán động. Theo cách tổ chức này, các doanh nghiệp chỉ việc tiến hành mở các tài khoản chi tiết theo từng cấp hệ thống tài khoản kế toán tài chính doanh nghiệp đang sử dụng đồng thời

xác định nội dung, phương pháp ghi chép trên các tài khoản chi tiết sao cho phù hợp với việc thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin cụ thể.

- *Mô hình thứ hai:* Tổ chức kế toán quản trị có tính độc lập về kế toán tài chính. Kế toán quản trị sẽ có hệ thống tài khoản riêng, hệ thống sổ kế toán riêng và do đó có bộ phận làm công việc của kế toán quản trị độc lập với kế toán tài chính.

*Hiện nay,* Khách sạn Kim Liên chưa xây dựng mô hình kế toán cụ thể. Khách sạn mới đang dừng lại ở góc độ tìm hiểu nên vận dụng chưa hiệu quả. Vì vậy đơn vị cần quan tâm nhiều hơn, có định hướng rõ ràng hơn trong việc xây dựng mô hình kế toán quản trị, sử dụng nó như một công cụ quản lý đặc lực cho việc phân tích số liệu, ra quyết định chiến lược phát triển. Theo em, Khách sạn nên xây dựng mô hình kế toán quản trị theo mô hình kết hợp, để sử dụng mô hình này cần thấy được các ưu điểm của nó như sau:

- Việc tổ chức kế toán quản trị nói chung và kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành nói riêng theo mô hình kết hợp là phù hợp với chế độ kết toán hiện hành ở Việt Nam. Tại nước ta hiện nay đang xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc và chuẩn mực của kế toán động.

- Tổ chức kế toán quản trị theo mô hình kết hợp sẽ tạo điều kiện cho các đơn vị có thể kết hợp chặt chẽ giữa quản lý tổng hợp với quản lý chi tiết theo từng đối tượng cụ thể, tạo điều kiện cho việc phân công công việc cho các cán bộ kế toán, tạo điều kiện trao đổi thông tin giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán trong Khách sạn.

- Kế toán quản trị là một nội dung còn mới đối với các doanh nghiệp Việt Nam, các doanh nghiệp vẫn còn lúng túng, chưa có định hướng rõ ràng trong việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp để thực hiện kế toán quản trị. Do vậy, khi thực hiện theo mô hình kết hợp này sẽ tạo điều kiện cho Khách sạn có thể từng bước vận dụng và hoàn thiện dần việc tổ chức thực hiện kết toán quản trị.

### **4.3.2. Xây dựng định mức chi phí**

Để có căn cứ lập dự toán và kiểm soát hoạt động, Khách sạn Kim Liên cần xây dựng định mức chi phí cho từng hoạt động cụ thể. Việc xây dựng định mức cần có sự tham gia của Ban giám đốc, kế toán, bộ phận vật tư và người lao động của các bộ phận. Đối với bộ phận buồng, cần xây dựng định mức cho từng khách thuê phòng.

### **4.3.3. Hoàn thiện phương pháp xây dựng dự toán chi phí sản xuất**

Lập dự toán chi phí giúp Khách sạn chủ động cho quá trình thi công, đảm bảo tiết kiệm chi phí và tính được giá thành dịch vụ một cách khoa học

#### **4.3.3.1 Lập dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Dự toán chi phí vật liệu trực tiếp

Đối với hoạt động của khách sạn, chi phí vật liệu chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng chi phí, do vậy khách sạn cần căn cứ vào định mức và kế hoạch hoạt động của từng hoạt động để xây dựng dự toán vật liệu nhằm kiểm soát được việc cung cấp và sử dụng các loại vật liệu cho hoạt động kinh doanh.

Dự toán chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp bị ảnh hưởng bởi khối lượng nguyên liệu, vật liệu trực tiếp sử dụng cho việc hoàn thành các dịch vụ và đơn giá của một đơn vị khối lượng nguyên vật liệu đó. Khối lượng nguyên liệu, vật liệu trực tiếp phải thỏa mãn nhu cầu nguyên liệu, vật liệu trực tiếp cho sản xuất và nhu cầu nguyên liệu, vật liệu trực tiếp dự trữ.

Như vậy, nhu cầu nguyên liệu, vật liệu trực tiếp được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Nhu cầu NVL trực} & & \text{NVL trực tiếp} & & \text{NVL trực tiếp cần} & & \text{NVL trực} \\ \text{tiếp trong kỳ} & = & \text{sản xuất cho kỳ} & + & \text{để tồn kho cuối kỳ} & - & \text{tiếp tồn kho} \\ & & \text{trước} & & & & \text{đầu kỳ} \end{array}$$

Dự toán khối lượng NVL trực tiếp có tác dụng đảm bảo cho việc cung cấp đủ, đúng chất lượng NVL trực tiếp và đúng lúc cho kinh doanh, giúp cho

quá trình kinh doanh diễn ra nhịp nhàng và đúng kế hoạch.

Sau khi xác định được khối lượng NVL cho từng chủng loại ta sẽ tính chi phí NVL trực tiếp theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Dự toán chi phí} \\ \text{NVL trực tiếp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nhu cầu NVL trực tiếp} \\ \text{cho kinh doanh trong kỳ} \\ \text{của chủng loại (i)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Định mức đơn giá cho} \\ \text{một đơn vị VL chủng} \\ \text{loại (i)} \end{array}$$

Đối với các dịch vụ không có hình thái vật chất như dịch vụ hướng dẫn, lễ hành, dịch vụ vận chuyển,.. việc dự toán chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp thường phức tạp hơn. Chẳng hạn như chi phí nhiên liệu sử dụng cho các phương tiện vận tải cần phải căn cứ vào dung tích máy, năm sản xuất, nước sản xuất ra phương tiện đó, loại nhiên liệu, tuyến đường hoạt động của phương tiện, tốc độ phương tiện, đơn giá nhiên liệu sử dụng để dự toán giá trị nhiên liệu tiêu hao định mức cho dịch vụ vận tải,..

#### 4.3.3.2 Dự toán chi phí nhân công trực tiếp

Dự toán chi phí nhân công trực tiếp là việc dự kiến tổng số tiền lương và các khoản trích theo lương của công nhân viên liên quan đến hoạt động dịch vụ.

Khi lập dự toán chi phí nhân công trực tiếp cần phải chú ý đến kết cấu công nhân viên, trình độ thành thạo của từng loại công nhân viên và đơn giá giờ công của từng loại.

Dự toán chi phí nhân công trực tiếp có tác dụng giúp doanh nghiệp chủ động việc sử dụng lao động, không bị tình trạng quá thừa hoặc quá thiếu lao động để đảm bảo việc quản lý và sử dụng lao động một cách hiệu quả nhất.

Căn cứ để lập dự toán chi phí nhân công trực tiếp trong khách sạn là khối lượng công việc cần thực hiện, định mức thời gian thực hiện một đơn vị công việc và đơn giá giờ công trực tiếp:

$$\text{Dự toán chi phí nhân công trực tiếp} = \text{Khối lượng dịch vụ cần thực hiện} \times \text{Định mức thời gian thực hiện một đơn vị dịch vụ} \times \text{Đơn giá giờ công trực tiếp}$$

Đối với hoạt động kinh doanh khách sạn, do tính chất công việc đa dạng nên thời gian lao động cho từng dạng công việc được xác định với định mức giá của lao động tính cho từng loại, cuối cùng tổng hợp tất cả lại để tính dự toán chi phí nhân công trực tiếp của toàn doanh nghiệp.

#### 4.3.3.3 Dự toán chi phí sản xuất chung

Để đơn giản trong việc tính toán và thuận tiện cho việc lập dự toán cũng như kiểm soát được sự biến động của chi phí, khi dự toán chi phí sản xuất chung người ta thường thực hiện bằng phương pháp phân chia chi phí chung thành chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi, sau đó tổng hợp lại để xác định tổng số chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung cố định ở các doanh nghiệp khách sạn thường không thay đổi so với kỳ thực tế, vì vậy có thể căn cứ vào chi phí thực tế phát sinh kỳ trước làm cơ sở ước tính cho kỳ kế hoạch. Các khoản chi phí chung cố định thường không hoặc thay đổi rất ít khi tăng hay giảm khối lượng dịch vụ. Chi phí sản xuất chung cố định trong các doanh nghiệp khách sạn thường chỉ là chi phí khấu hao tài sản cố định (nếu khấu hao TSCĐ theo sản lượng thì cũng trở thành chi phí biến đổi) và chi phí bằng tiền khác. Vì thế, vấn đề cơ bản khi dự toán chi phí sản xuất chung là chỉ cần xác định dự toán chi phí biến đổi như chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí công cụ, dụng cụ,...

Việc xác định dự toán của chi phí biến đổi cũng có nhiều phương pháp khác nhau, song để đơn giản cho việc xác định dự toán có thể áp dụng phương pháp sau:

Đối với những dịch vụ tạo ra sản phẩm hữu hình:

Dự toán chi phí biến đổi = Tổng thời gian lao động x đơn giá chi phí biến đổi

Đối với những dịch vụ tạo ra sản phẩm vô hình:

Dự toán chi phí sản xuất chung biến đổi = Tỷ lệ % x Tổng dự toán chi phí trực tiếp (phần lớn chi phí trực tiếp là chi phí biến đổi).

Từ đó ta có thể tính dự toán chi phí sản xuất chung như sau:

Dự toán chi phí SXC = Dự toán chi phí cố định SXC + Dự toán chi phí biến đổi SXC

Dự toán kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp kinh doanh khách sạn có thể được thực hiện cho từng loại hình dịch vụ (lưu trú, ăn uống, dịch vụ bổ sung...) và từng thời kỳ kinh doanh. Khi dự toán cần phải căn cứ vào nhiều yếu tố như dự toán doanh thu, dự toán chi phí, giá thành, chi phí quản lý doanh nghiệp, phí bán hàng...

Ngoài ra, dự toán kết quả kinh doanh còn có thể được xác định khối lượng dịch vụ đã thực hiện và tỷ lệ lợi nhuận:

$$\text{Dự toán kết quả kinh doanh} = \frac{\text{Dự toán doanh thu sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ}}{\text{X}} \times \text{Tỷ lệ lợi nhuận}$$

Sau khi xác định được các Phụ lục dự toán ta so sánh giữa thực hiện với dự toán về các yếu tố sản xuất để phân tích đánh giá tìm hiểu ảnh hưởng của các nhân tố lượng và giá đã làm cho chi phí thực hiện dịch vụ biến động. Biến động về lượng phản ánh tiêu hao vật chất và lượng thời gian hao phí để thực hiện dịch vụ. Biến động về giá phản ánh giá của một đơn vị nguyên liệu hay giá của một đơn vị thời gian để thực hiện một đơn vị dịch vụ.

Chi phí kinh doanh biến động có thể do những nhân tố trong chính quá trình kinh doanh của doanh nghiệp hoặc do các yếu tố bên ngoài nhưng nếu các nhà quản lý xác định được nguyên nhân cụ thể gây ra biến động thì mới

có thể có những biện pháp kịp thời nhằm hạn chế, khắc phục những rủi ro, tồn tại và đồng thời phát huy những mặt tích cực trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### ***4.3.4 Hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm***

Việc xây dựng hệ thống báo cáo quản trị phải bảo đảm đáp ứng được các yêu cầu:

- Đảm bảo việc phân chia chi phí kinh doanh trong kỳ của Khách sạn theo nhiều tiêu thức phân loại khác nhau, đáp ứng yêu cầu về thông tin cho nhà quản trị đưa ra quyết định.
- Cung cấp được thông tin về chi phí sản xuất kinh doanh theo từng địa điểm, bộ phận phát sinh.
- Phản ánh được tình hình thực hiện dự toán định mức chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, giải thích được số liệu thực tế và dự toán

Hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có thể gồm:

- Các báo cáo chi phí:

Nhằm kiểm tra tình hình thực hiện dự toán chi phí, đánh giá kết quả thực hiện của đơn vị cần phải lập báo cáo chi phí. Thông qua báo cáo chi phí nhà quản trị sẽ đánh giá việc tiết kiệm hay lãng phí chi phí từng đơn vị nội bộ, từ đó đề ra được các biện pháp tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, thúc đẩy hạch toán nội trong Khách sạn, sử dụng các đòn bẩy kinh tế có hiệu quả.

Báo cáo chi phí phản ánh chi phí thực tế và dự toán của từng yếu tố chi phí phát sinh trong đơn vị nội bộ. Báo cáo này phải được lập cho đơn vị nội bộ để kiểm soát tình hình thực hiện chi phí dự toán của nội bộ đó và có kết cấu tương ứng với phương pháp xây dựng dự toán từng bộ phận.

Đối với những loại chi phí chiếm tỷ trọng lớn và ẩn chứa trong đó nhiều loại định mức khác nhau thì kế toán quản trị phải lập riêng báo cáo cho loại chi phí đó. Chẳng hạn như chi phí nguyên vật liệu ở Khách sạn gồm nhiều vật tư khác nhau, đòi hỏi Khách sạn phải xây dựng mức hao phí của từng loại cho từng đơn vị công việc tiêu chuẩn. Do đó kế toán quản trị cần phải lập báo cáo riêng cho các loại chi phí này. Mẫu báo cáo chi phí được đề xuất như sau:

<b>T</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Định</b>	<b>Số</b>	<b>Đơn</b>	<b>Tổng chi</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Chênh</b>
<b>T</b>		<b>mức/khách/</b>	<b>khách</b>	<b>giá</b>	<b>phí định</b>	<b>thực tế</b>	<b>lệch</b>
		<b>ngày</b>	<b>/ngày</b>		<b>mức</b>		
<i>I</i>	<i>Chi phí biến đổi</i>						
1	Xà phòng						
2	Khăn tắm						
3	Khăn mặt						
4	Bàn chải, thuốc đánh răng						
5	Dầu gội đầu, sữa tắm						
6	Bút bi						
7	Giấy vệ sinh						
8	Nước uống miễn phí						
9	Hóa chất						
10	Chè						
11	Cà phê						
12	Điện						
13	Nước						
<i>II</i>	<i>Chi phí phân bổ</i>						
14	Ga trải giường						
15	Chăn, gối						
16	Ấm nước						



17	Cốc uống nước						
18	Đèn bàn						
<i>III</i>	<i>Chi phí khấu hao</i>						
19	Bàn ghế						
20	Tủ đựng quần áo						
21	Điều hòa nhiệt độ						
22	Tivi						
	Cộng						

- Báo cáo kế toán quản trị:

Báo cáo kế toán quản trị là một loại báo cáo thể hiện các số liệu về các dịch vụ một cách toàn diện nhất, nó giúp cho Ban lãnh đạo khách sạn có những chỉ đạo sát sao hơn đối với tình hình kinh doanh thực tế của từng loại dịch vụ. Do vậy, báo cáo kế toán quản trị được lập theo từng bộ phận, từng hoạt động kinh doanh dịch vụ. Nội dung của báo cáo kế toán quản trị gồm:

Doanh thu từng hoạt động hoặc từng bộ phận, chi phí biến đổi, lãi gộp, chi phí cố định trực tiếp, chi phí cố định chung. Mẫu báo cáo kế toán quản trị cho từng bộ phận và từng hoạt động dịch vụ được lập như sau:

<b>TT</b>	<b>Khoản mục</b>	<b>Dự toán</b>	<b>Thực tế</b>	<b>Chênh lệch</b>
<b>1</b>	Doanh thu			
<b>2</b>	Chi phí biến đổi			
<b>3</b>	Lãi gộp			
	<b>Chi phí cố định trực tiếp</b>			
<b>4</b>	Chi phí quảng cáo			
<b>5</b>	Chi phí lương nhân viên quản lý			
<b>6</b>	Các khoản trích theo lương			

	của nhân viên quản lý			
<b>7</b>	Khấu hao TSCĐ trực tiếp			
<b>8</b>	Chi phí công cụ, dụng cụ			
<b>9</b>	Lợi nhuận bộ phận			
	<b>Chi phí cố định chung</b>			
<b>10</b>	Chi phí quảng cáo			
<b>11</b>	Chi phí khấu hao TSCĐ phân bổ			
<b>12</b>	Chi phí quản lý phân bổ			
<b>13</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			

Báo cáo nên lập định kỳ hàng tháng. Dựa vào số liệu trên báo cáo ban lãnh đạo doanh nghiệp sẽ có những quyết định phù hợp với tình hình kinh doanh trong thời gian tới.

Tóm lại: Qua khảo sát thực tế và rút ra được những nhận thức về nội dung kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm dịch vụ tại Khách sạn Kim Liên trong thời gian qua, em đã đưa ra những yêu cầu, nguyên tắc và chỉ tiêu của Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp tại Khách Sạn Kim Liên nhằm giúp cho hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành của doanh nghiệp này cung cấp được thông tin hữu ích hơn cho quản trị doanh nghiệp.

#### **4.4 Điều kiện để thực hiện các giải pháp**

##### **4.4.1 Điều kiện của nhà nước**

- Khách sạn là một trong những ngành kinh tế phát triển song song với ngành du lịch, do đó ngành này rất quan trọng của nước ta, hệ thống cơ sở lưu trú tăng về số lượng và chất lượng ngày càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch. Đặc biệt là những khách sạn 3 - 5 sao thể hiện rất rõ tính chuyên nghiệp, kỹ năng phục vụ góp phần nâng cao uy tín của ngành

Du lịch. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển hệ thống khách sạn Việt Nam vẫn còn một số điểm hạn chế như: quy mô nhỏ ít phòng và ít dịch vụ, công tác quảng bá xúc tiến còn hạn chế, nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, cá biệt một số khách sạn còn tăng, giảm giá tùy tiện....Do đó Nhà nước cần phải nghiên cứu để đưa ra các định mức quản lý được gài cả của các loại hình khách sạn.

- Bên cạnh những văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, Nhà nước cần có những chính sách khuyến khích cạnh tranh. Để giúp cho các doanh nghiệp ngày càng phát triển về quy mô cũng như chất lượng của khách sạn

- Tiếp tục nghiên cứu và phát hành các chuẩn mực kế toán phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế với tình hình hạch toán tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

#### **4.4.2 Đối với Khách sạn Kim Liên**

- Trước hết, lãnh đạo của Khách sạn cần xây dựng chiến lược rõ ràng, có chiều sâu hơn trong việc xây dựng giá thành các loại dịch vụ. Liên tục tìm các biện pháp để hạ các giá thành dịch vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ, thái độ làm việc của công nhân viên ngày càng chuyên nghiệp hơn...

- Xây dựng quy chế riêng cho việc quản lý vật tư, đặc biệt là phải tổ chức quản lý các vật tư chính, vật tư tiêu hao. Có phiếu nhập xuất kho đầy đủ để tránh gây thất thoát vật tư.

- Chỉ đạo phòng kế hoạch đưa ra những dự toán để tính chính xác chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cũng như tính giá thành dịch vụ phù hợp

- Liên tục cập nhật thông tư hướng dẫn các văn bản liên quan đến chính sách về kế toán, thuế. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về kế toán cho các nhà quản lý

- Xây dựng định hướng mô hình kế toán quản trị rõ ràng, có chiều sâu và áp dụng phù hợp với yêu cầu quản lý của Khách sạn.

## KẾT LUẬN

Sự phát triển của ngành Khách sạn Việt Nam những năm qua có sự đóng góp tích cực của Khách sạn Kim Liên. Tuy nhiên sau hơn 30 năm hoạt động, cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị của khách sạn đã bị xuống cấp và lạc hậu so với các khách sạn mới. Nhưng được sự quan tâm đúng mức của lãnh đạo Khách sạn Kim Liên và có chiến lược phát triển đúng đắn, xác định đúng thị trường Khách sạn đã từng bước đi lên và đứng vững trong cuộc khủng hoảng của nền kinh tế trong mấy năm qua. Hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là một vấn đề mà doanh nghiệp quan tâm hàng đầu. Để hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường, Công tác kế toán Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ theo yêu cầu quản trị tại khách sạn Kim Liên đó chính là việc cần thiết của mỗi doanh nghiệp. Là công cụ quản lý quan trọng, kế toán nói chung, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành nói riêng, phải luôn được cải thiện nhằm đáp ứng nhu cầu càng cao của công tác quản lý ở từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế.

Phần đầu tiết kiệm chi phí sản xuất hạ giá thành thành phẩm là con đường cơ bản tiên quyết giúp các Khách sạn Kim Liên có thể đứng vững trong cơ chế thị trường. Bởi vì chỉ có thể trên cơ sở giá thành hạ chất lượng sản phẩm tốt thì sản phẩm của Khách sạn Kim Liên mới được thị trường chấp nhận, hợp thị hiếu với người tiêu dùng và có điều kiện cạnh tranh trên thị trường đồng thời tăng thêm lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Để hạ giá thành sản phẩm mà chất lượng không thay đổi đứng trên góc độ quản lý kinh tế điều quan trọng nhất là phải hạch toán đầy đủ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ, tính đúng, tính đủ, giá thành thành phẩm từ đó phân tích đề ra những biện pháp thiết thực để phần đầu giảm chi phí hạ giá thành.

Những năm qua Khách sạn Kim Liên đã thực sự quan tâm đúng mức tới

việc kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành thành phẩm, nhạy bén với sự đổi mới của chế độ kế toán vì thế kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm thực sự trở thành công cụ quản lý kinh tế góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Qua quá trình nghiên cứu đề tài: “ Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ theo yêu cầu quản trị tại Khách sạn Kim Liên” cùng với sự hướng dẫn của **PGS.TS Nghiêm Văn Lợi**, luận văn đã hoàn thành được những nhiệm vụ sau:

*Thứ nhất:* Luận văn đã hệ thống lại một cách khoa học các vấn đề cơ bản về Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại khách sạn dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị. Luận văn đã làm sáng tỏ bản chất, nội dung và phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ.

*Thứ hai:* Luận văn đã phản ánh được thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại Khách sạn Kim Liên dưới góc độ của kết toán tài chính và kế toán quản trị. Luận văn đã chỉ ra được những ưu, nhược điểm, những hạn chế cần khắc phục của công tác kế toán

*Thứ ba:* Luận văn đã đưa ra được những yêu cầu, nguyên tắc và các giải pháp hiện thiện công tác kế toán để nâng cao hiệu quả công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại Khách sạn Kim Liên. Các điều kiện áp dụng của Nhà nước cũng như của Khách sạn để công tác kế toán ngày càng phát triển

Trong bài luận văn này em đã mạnh dạn trình bày một số kiến nghị của mình với nguyện vọng giúp Khách sạn Kim Liên hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ sao cho hợp lý và đúng chế độ tài chính kế toán, khắc phục những hạn chế để Khách sạn Kim Liên đạt được các thành tích lớn hơn nữa tự khẳng định mình trên thị trường.

Tuy nhiên, do hiểu biết còn hạn chế, luận văn này không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong được sự góp ý của các thầy cô để luận văn được hoàn thiện hơn.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ tài chính (2008), 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam( 2001-2006), nhà xuất bản Tài chính
2. Bộ tài chính (2009), chế độ kế toán doanh nghiệp, Nhà xuất bản tài chính
3. Các tài liệu sổ sách, Báo cáo tài chính, Bảng cân đối tài khoản...của Khách sạn Kim Liên
4. Học viện tài chính (2009), Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp, NXB Tài chính.
5. Học viện tài chính (2009), giáo trình kế toán tài chính, NXB tài chính
6. Một số luận văn thạc sĩ về đề tài “ Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp” trong doanh nghiệp.
7. PGS.TS Nguyễn Đình Đỗ, TS Trương Thị Thủy, TS Nguyễn Trọng Cơ, Ths Nguyễn Thị Thà (2006), Kế toán và phân tích chi phí giá thành trong doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, NXB tài chính.
8. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), Luật kế toán (số 03/2013/QH11 ngày 17 tháng 06 năm 2003).

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 3.1. Phiếu xuất kho

**Đơn vị: Khách sạn Kim Liên**

### PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 04 tháng 12 năm 2015

Số: 18

Bộ phận sử dụng: Buồng A\_Salê

Đối tượng sử dụng: Chị Xuân

Xuất tại kho: Công cụ, dụng cụ

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đvt	Số lượng	đơn giá	Thành tiền
01	Ga trắng giường đôi HQ	Cái	18	200.000	3.600.000
02	Ga trắng giường đơn HQ	Cái	183	155.000	28.365.000
03	Ruột gối HQ	Cái	146	45.000	6.570.000
04	Vỏ chăn đơn HQ	Cái	183	300.000	54.900.000
05	Vỏ chăn đôi HQ	Cái	18	340.000	6.120.000
	Cộng				99.555.000

**Cộng thành tiền (bằng chữ):.....**

*Xuất, ngày 04 tháng 12 năm 2015*

**Phụ trách cung tiêu**

*(Ký, họ tên)*

**Người nhận**

*(Ký, họ tên)*

**Thủ kho**

*(Ký, họ tên)*

**Đơn vị: Khách sạn Kim Liên**

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 15 tháng 12 năm 2015

Số: 20

Bộ phận sử dụng:        Buồng B  
 Đối tượng sử dụng:     Cô Xuân  
 Xuất tại kho:            công cụ, dụng cụ

<b>Số TT</b>	<b>Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư</b>	<b>đvt</b>	<b>Số lượng</b>	<b>đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
01	Khăn trắng TL	Cái	300	39.573,85	11.872.155
	Cộng				11.872.155

**Cộng thành tiền (bằng chữ):.....**

*Xuất, ngày 15 tháng 12 năm 2015*

**Phụ trách cung tiêu**

**Người nhận**

**Thủ kho**

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*



**Phụ lục 3.2. Sổ chi tiết nguyên vật liệu****Khách sạn Kim Liên***Sổ chi tiết*

Tháng 12 năm 2015

Mã vật tư: Ga trắng giường đôi HQ

Chứng từ		Nội dung	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số	Ngày			SL (cái)	TT (đồng)	SL (cái)	TT (đồng)	SL (cái)	TT (đồng)
	01/12	Tồn đầu	200.000					10	2.000.000
	02/12	Nhập	200.000	50	10.000.000				
	05/12	Xuất dùng	200.000			18	3.600.000		
		Tồn cuối						42	8.400.000

**Phụ lục 3.3 Sổ biên nợ****Khách sạn Kim Liên****Sổ nhật ký biên****Nợ TK 1531(ccdc)**

Tháng 12 năm 2015

Ngày tháng	Số phiếu	Diễn giải	Nợ TK 1531	Có các TK	TK khác
02/12	09	Hương KTTV mua vỏ chăn ga gôỉ HQ	167.355.000	167.355.000	

05/12	10	Hương KTTV mua ruột gối HQ	10.004.762		10.004.762	
		Cộng	120.452.038			

**Phụ lục 3.4 Sổ nhật biên có****Khách sạn Kim Liên***Sổ nhật biên Có TK 1531**Tháng 12 năm 2015*

Ngày tháng	Số phiếu	Diễn giải	Có TK1531	Có các TK			TK khác
				6273	6413 <sub>ăn</sub>	6413 <sub>uống</sub>	
01/12	16	Lành buồng B lĩnh khay Inox	4.183	4.183			
03/12	17	Xuân buồng A lĩnh ga vỏ chăn gối	99.555.000	99.555.000			
06/12	18	Lành buồng B lĩnh vỏ chăn	67.800.000	67.800.000			
04/12	20	Xuân buồng B lĩnh khăn trắng TL	1.800.000	1.800.000			
15/12	21	Buồng A lĩnh ga trắng giường đôi	3.600.000	3.600.000			
.....	.....	.....					
		Cộng	120.452.038	120.452.038			

**Phụ lục 3.5 Phụ lục tổng hợp tiền lương****Khách sạn Kim Liên****TỔNG LƯƠNG NĂNG SUẤT THÁNG 12/2015**

<b>TT</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Lao động</b>	<b>Tiền lương năng suất</b>	<b>Ký nhận</b>
1	Bảo vệ	17	29.736.023	
2	Bảo dưỡng	10	16.641.000	
3	Lễ tân	12	20.909.000	
4	Buồng A	25	40.396.000	
5	Buồng B	20	30.228.000	
6	Kế toán	10	16.126.000	
7	Tiếp thị	5	8.501.000	
8	Môi trường	9	12.449.000	
9	Bếp	29	49.951.000	
10	Bàn	34	46.192.000	
11	Bar	7	11.115.000	
	<b>Tổng</b>	<b>178</b>	<b>282.244.023</b>	

*Hà Nội, Ngày 30 tháng 12 năm 2015*

LĐTL  
(ký, họ tên)

Kế toán  
(ký, họ tên)

P. giám đốc KS  
(ký, họ tên)

**Phụ lục 3.6 Sổ theo dõi phí tài khoản chi phí nhân công**

SỔ THEO DÕI PHÍ: TK 62711

TK: Chi phí nhân công

Quý 04 năm 2015

SỐ CT	SỐ TK	Diễn giải	Chi phí bù đắp
30/12	3341	Phân bổ tiền lương cơ bản	245.765.587
		Tổng cộng	245.765.587

**Phụ lục 3.7 Sổ theo dõi phí tài khoản các khoản trích theo lương**

SỔ THEO DÕI PHÍ: TK 62712

TK: Các khoản trích theo lương

Quý 04 năm 2015

SỐ CT	SỐ TK	Diễn giải	Chi phí bù đắp
21/12	3382	Phân bổ 2% KPCĐ	5.315.619
22/12	3384	Phân bổ BHYT	5.315.619
23/12	3381	Phân bổ BHXH	39.867.147
		Tổng cộng	50.498.385

Từ Phụ lục tổng hợp tiền lương kế toán ghi vào sổ cái: TK62711, YK62712. (Phụ lục 3.8)

**Phụ lục 3.8 Sổ cái TK62711**

Khách sạn Kim Liên

**Sổ cái TK 62711**

Quý 04 năm 2015

Số dư đầu kỳ:.....

Tk đối ứng	PS Nợ	PS Có	Ngoại tệ	Tiền	Nghiệp vụ
3341	245.765.587			đ	TL
Cộng tháng 12	245.765.587			đ	
Tổng quý	245.765.587			đ	
Lũy kế cuối quý	245.765.587			đ	

Số dư: Dư nợ: 245.765.587

Lập biểu  
(Ký, họ, tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ, tên)

Giám Đốc  
(Ký, họ, tên, đóng dấu)

**Phụ lục 3.9 Sổ cái TK62712**

Khách sạn Kim Liên

Sổ cái tài khoản 62712

Quý 04 năm 2015

Dư đầu kỳ:.....

<b>TK đối ứng</b>	<b>PS Nợ</b>	<b>PS Có</b>	<b>Ngoại tệ</b>	<b>Tiền</b>	<b>Nghiệp vụ</b>
3382	5.315.619			đ	KPCĐ
3383	5.315.619			VND	BHXXH
3384	39.867.147			đ	BHYT
Tổng quý	39.867.147			đ	
Lũy kế cuối kỳ	39.867.147			đ	

Dư cuối kỳ: 39.867.147 đ

Lập biểu

(Ký, họ, tên)

Kế toán trưởng

( ký, họ, tên)

Giám đốc

( Ký, họ, tên, đóng dấu)

**Phụ lục 3.10 Sổ theo dõi phí TK 6274****Khách sạn Kim Liên**

Sổ theo dõi phí \_TK6274

Quý 04 năm 2015

Số chứng từ	Số TK	Diễn giải	Chi phí bùong
24/12	21412	Khấu hao nhà cửa	235.602.040
25/12	21412	Khấu hao máy móc thiết bị công tác	25.806.779
.....	.....	.....	.....
		Tổng cộng	261.408.819

**Phụ lục 3.11 Sổ cái TK 6274****Khách sạn Kim Liên****Sổ cái TK 6274**

Quý 04 năm 2015

TK đối ứng	PS Nợ	PS Có	Ngoại tệ	Tiền	Nghiệp vụ
21412	241.882.013			đ	KHTSCĐ
21413	19.526.816			đ	
Cộng tháng 12	261.408.819			đ	
Tổng quý	261.408.819			đ	

Dư cuối kỳ: 261.408.819 đ



**Phụ lục 3.12 Sổ theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ***TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TSCĐ KSTL NĂM 2015*

<b>I</b>	<b>Nguyên giá TSCĐ</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Nhà cửa</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Máy móc quản lý</b>
1	Số dư đầu năm	31.517.662.094	21.641.655.825	9.493.282.964	382.723.305
2	Số dư tăng trong kỳ	891.710.771	368.473.557	508.249.033	14.988.181
+	Mua sắm mới	405.505.942		390.517.761	14.988.181
+	Bàn giao nội bộ	117.731.272		117.731.272.	
+	Xây dựng mới	368.473.557.	368.473.557		
3	Số giảm trong kỳ	2.787.110.903		2.507193.723	279.917.180
+	Thanh lý TS	542.398.120		313.922.800.	228.475.323
+	TSCĐ chuyển VRT	2.244.712.778		2.193.270.920	51.441.855
4	Số cuối kỳ trong đó	29.622.261.962	22.040.129.312.	7.494.338.274	117.794.306
+	Tài sản chưa sử dụng				
+	Tài sản chờ thanh lý				
+	Tài sản đã khấu hao hết	5.164.468.376.	1.060.272.945	3.995.071.125	109.124.301
<b>II</b>	<b>Giá trị hao mòn</b>				
1	Số Đầu kỳ	19.683.361.557	11.554.034.262	7.764.734.435	364.592.860
2	Số tăng trong kỳ	1.466.952.088	1.041.131.304	411.886.088	13.934.696

+	Khấu hao hữu hình				
+	Khấu hao vô hình				
3	Số giảm trong kỳ	2.635.033.552		2.365.630.302	269.403.250
4	Số cuối kỳ	18.515.280.093	12.595.165.566	5.810.990.221	109.124.306
III	Giá trị còn lại				
1	Số đầu kỳ	11.833.300.537	10.887.621.563	1.728.548.529	18.430.445
2	Số cuối kỳ	11.106.981.869	9.414.963.816	1.683.348.053	8.670.000

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

**Phụ lục 3.13 Sổ theo dõi phí TK 6275****Khách sạn Kim Liên****Sổ theo dõi phí TK6275\_chi phí sửa chữa**

Quý 04 năm 2015

<b>Số chứng từ</b>	<b>Số TK</b>	<b>Diễn giải</b>	<b>Chi phí bù</b>
04	1526	Bảo dưỡng_kính trắng	450.000
08	1526	Tổng đài_IC nguồn	970.000
12	1526	Buồng_B pin tiểu con	130.000
73VL	1526	Bảo dưỡng vỏ máy tính	825.000
.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>	<b>233.244.300</b>

**Phụ lục 3.14 Sổ cái TK 6275****Khách sạn Kim Liên****Sổ cái TK 6275**

Quý 04 năm 2015

Số dư đầu kỳ.....

<b>Tk đối ứng</b>	<b>PS Nợ</b>	<b>PS Có</b>	<b>Ngoại tệ</b>	<b>Tiền</b>	<b>Nghiệp vụ</b>
1526	10.166.212			đ	VT
Công tháng 10	10.166.212			đ	
1526	9.811.981			đ	VT
Cộng tháng11	9.811.981			đ	
1526	13.266.107			đ	VT
335	200.000.000			đ	CPTC
Cộng tháng12	213.266.107			đ	
Tổng quý	233.244.300			đ	
Luỹ kế cuối quý	233.244.300			đ	

Số dư cuối kỳ: 233.244.300 đ

Ngày 31 tháng12 năm 2015

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

**Phụ lục 3.15 Sổ theo dõi phí TK 6278****Khách sạn Kim Liên**

Sổ theo dõi phí TK6278

Quý 04 năm 2015

Số chứng từ	Số tài khoản	Diễn giải	Chi phí buồng
02	1111	Mua hoa đặt buồng	30.000
05	1526	Buồng A - Diêm	111.000
39VL	1526	Buồng B - Bút bi	533.059
.....	.....	.....	.....
		Tổng	5.306.792

**Phụ lục 3.16 Sổ cái TK 6278****Khách sạn Kim Liên**

Sổ cái TK 6278

Quý 04 năm 2015

Số dư đầu kỳ.....

<b>TK ĐƯ</b>	<b>PS nợ</b>	<b>PS có</b>	<b>Ngoại tệ</b>	<b>Tiền</b>	<b>Nghiệp vụ</b>
1111	70.000			đ	TM
1526	438.836			đ	VT
1523	236.899			đ	VT
Cộng tháng 10	745.735			đ	
1111	1.907.500			đ	TM
1523	567.089			đ	VT
1526	200.000			đ	VT
Cộng tháng 11	2.674.589			đ	
1111	1.650.798			đ	TM
1523	235.670			đ	VT
Cộng tháng 12	1.886.468			đ	
Tổng quý	5.306.792			đ	
Luỹ kế cuối kỳ	5.306.792			đ	

Dư cuối kỳ: 5.306.792

Phụ lục 3.17 Bảng tính giá thành dịch vụ

**BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ**

Tên thành phẩm: Buồng ngủ

Số lượng : 178 phòng

<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Giá trị dd đầu kỳ</b>	<b>CPPS trong kỳ</b>	<b>Giá trị dd cuối kỳ</b>	<b>Tổng giá thành 1năm</b>	<b>Giá thành đơn vị 1 tháng</b>
Chi phí sản xuất		9.367.086.413			4.385.340
2. Chi phí trực tiếp		286.753.766			134.248
Chi phí gián tiếp		286.753.766			134.248
Tổng cộng					4.653.836